

THI CA VIỆT NAM CHỌN LỌC



THƠ
CAO
BÁ
QUÁT



HÀ XUẤT BẢN ĐỒNG NAI

<http://tieulun.hopto.org>

THI CA VIỆT NAM CHỌN LỌC
KIỀU VĂN
(tuyển chọn)

Thơ

Cao Bá Quát

NHÀ XUẤT BẢN ĐỒNG NAI
2005

Cùng bạn đọc

Cao Bá Quát (Chu Thần, 1809 – 1854), quê làng Phú Thị, huyện Gia Lâm, tỉnh Bắc Ninh. Ông chỉ đỗ đến cử nhân (chế độ thi cử đương thời của nhà Nguyễn không phải là cái thước có thể đo được những tài năng kiểu Cao Bá Quát hoặc Tú Xương). Trên thực tế Cao Bá Quát đã trở thành một nho sĩ kiệt kiệt của thời đại. Vua Tự Đức đã phải khen: “Văn như Siêu, Quát vô Tiền Hán” (văn như Nguyễn Văn Siêu và Cao Bá Quát, khiến văn đời Tiền Hán coi như không có!). Còn những người sùng bái ông thì tôn ông là Thánh Quát! Danh bất hư truyền, Cao Bá Quát là con người trác việt mà non sông Việt Nam đã sản sinh ra: Một hồn thơ và một tài năng văn chương lỗi lạc, tâm vóc và cốt cách của bậc đại anh hùng thế thiên hành đạo, nhãn quan vô cùng sâu sắc của một triết gia, một văn thi hào am tường chân tướng của thời đại.

Ông đã để lại trên thi đàn Việt Nam kim cổ một tên tuổi bất hủ, đồng thời để lại một trang sử chống phong kiến chói lọi – cuộc khởi nghĩa

<http://tieufun.hopto.org>

chống triều đình Tự Đức do ông lãnh đạo, nổ ra ở Mĩ Lương năm 1853. Cuộc khởi nghĩa ấy cuối cùng đã thất bại, bản thân Cao Bá Quát tử trận và lãnh cái án “tru di tam tộc”.

Nhưng bất luận thành hay bại, Cao Bá Quát đã thực thi một sứ mạng lịch sử: dùng tất cả sức mạnh “hích” lịch sử nhích lên phía trước! Thực tiễn lịch sử Việt Nam suốt ba thập kỉ kế tiếp đã chứng minh: Triều đình Tự Đức, cố tình cưỡng lại “cú hích” ấy của Cao Bá Quát, không chịu lột xác, đã lập tức bước vào tình trạng bại vong, chịu để mất nước và trở thành bù nhìn cho kẻ xâm lược.

Những trần trở, đớn đau của Cao Bá Quát với số phận của đất nước ta thời ấy sao mà giống với những trần trở đớn đau của thi hào Puskin với số phận nước Nga dưới chế độ Sa Hoàng đến thế!

Có lẽ vì vậy mà cả hai thiên tài, đồng thời hai nhân vật anh hùng ấy, đều đã phải ngã xuống vì mũi tên hòn đạn của những thế lực phản động!

Bất hạnh lớn nhất của Cao Bá Quát là sinh phải cái thời “vô Nghiêu Thuấn”. Càng xuất chúng, vĩ đại bao nhiêu thì ông càng ngột ngạt và đau khổ bấy nhiêu. Sau khi ông chết, bạn ông là Nguyễn Văn Siêu đã khóc ông:

<http://tieulun.hopto.org>

*Duy biên thư sử, bích biên cầm,
Nhất mộng du du, thất hảo âm!
Sơn hải di tung, hà xứ ẩn?
Hương quan li hận, thử hồi thâm!...
(Bên màn là sử sách, bên vách là đàn,
Một giấc đằng dặc, mất rồi tiếng tuyệt diệu!
Dấu vết còn sót lại nơi non biển, giờ ẩn giấu
ở đâu?
Nỗi hận biệt li chốn quê hương, bao lần thấm
thía...)*

Ngày nay chúng ta đọc lại những trang đời của Cao Bá Quát, thông qua những áng văn thơ của ông, trong đó chứa chất muôn vàn đau vật đón đau, uất hận và kiêu hãnh, đồng thời cũng chứa chất nguồn tình cảm tràn trề và tâm hồn cao thượng của ông, chúng ta không khỏi cảm thán xót đau và khâm phục một đấng anh tài bất phùng thời!

Thơ Cao Bá Quát có điểm giống với thơ Nguyễn Gia Thiều, Nguyễn Du và Hàn Mặc Tử sau này, đó là thứ thơ huyết lệ, là chính mảnh hồn của ông. Vẻ đẹp của thơ ông do nội dung hàm súc và nồng đượm tạo thành, còn chữ nghĩa chỉ là phương tiện. Người đọc không bị hoà mất vì ngôn từ của ông, mà kinh hoàng, xúc động, rơi lệ vì

<http://tieulun.hopto.org>

những điều ông nói. Đây là cảnh ông bị tù thoát chết về được đến nhà: (dịch nghĩa)

Mái tóc bơ phờ, mình không tự biết,

Nay đến lúc được về làng quê.

Điểm “cây gạo” sương tan sớm,

Hồ “Ngựa trời” mặt trời lên chậm.

Bạn hàng xóm chợt gặp ta, kinh hoàng hỏi rồi rít,

Mẹ già chợt thấy con, mừng trộn với buồn đau.

Cả cuộc đời đầy hoạn nạn, giờ tràn hối hận,

Sợ phải nói với người nhà chuyện “biệt li”!

Thơ Cao Bá Quát chính là bản thân ông. Đó là cả một thế giới rộng lớn, sâu thẳm về tâm hồn và trí tuệ, là tất cả những gì tao nhã nhất, hùng hồn nhất và những nghịch cảnh đắng cay u uất nhất mà ông từng nếm trải.

Dù viết về đề tài nào, thơ Cao Bá Quát cũng đậm đặc tính chất trữ tình. Nhưng để bạn đọc dễ theo dõi, chúng tôi tạm sắp xếp thơ văn ông như sau:

– Thơ văn Nôm.

– Thơ Hán Việt gồm những bài “ngôn chí” hoặc diễn tả những tâm sự vui buồn bất tận của ông.

– Thơ Hán – Việt miêu tả những điều “sở

<http://tieulun.hopto.org>

kiến” (những điều trông thấy) và những bài thơ vịnh cảnh đời và vịnh người.

Một điều rất đáng tiếc là Cao Bá Quát có lẽ ít sáng tác thơ Nôm, mặc dù ông rất trân trọng các nhà thơ Nôm danh tiếng như Nguyễn Gia Thiều, Nguyễn Du, Nguyễn Huy Tự... Số văn thơ Nôm của ông tuy còn lại rất ít ỏi nhưng cũng cho thấy ông là một cây bút thơ Nôm sáng giá. Có thể vì vụ án “tru di tam tộc” mà thơ Nôm của ông đã bị thất lạc nhiều chăng?

Xin bạn đọc hãy cùng chúng tôi “dạo lại bản đàn thơ” Cao Bá Quát để chiêm ngưỡng và thưởng lãm hồn thơ, chiều sâu tư tưởng và khí phách của một con người kiệt xuất của dân tộc gần 200 năm trước.

Thành phố Hồ Chí Minh tháng 6-1999

KIỀU VĂN

***Phó nam cung,
xuất giao môn biệt chu đệ từ***

Du du từ cố quốc,
Man man hướng trường lộ.
Xuất giao thiên vì lương,
Hành sắc dải sơ vũ.
Đệ tử tổng ngã hành,
Tương tùy bất nhẫn chụ.
Khởi thị nhi nữ tình,
Yếm diện lệ như chú.
Úc ngã tích niên du,
Dĩ vì phù danh ngộ.
Thủ biệt hựu an chi?
Vãng sự không hồi thủ.
Nhập thế hữu văn chương,
Đào danh hà sở mộ?
Đa tạ chư thiếu niên,
Luyến ngã độc an thủ?

Dịch thơ :

Đi thi hội, ra đến cổng làng từ biệt các học trò

*Rầu rầu lia chốn cũ,
Man mác bước đường xa.
Khỏi thành trời thấy lạnh,
Lát phát hạt mưa sa.
Học trò tiễn ta đi,
Vương vít nặng tình xưa,
Nào phải là nhi nữ,
Bưng mặt khóc như mưa.
Nhớ từ chuyến đi trước,
Đã bị phù danh lừa,
Chuyến này lại lẻo đẹo,
Việc cũ như còn mơ.
Ở đời có văn chương,
Chữ danh không lẽ ngơ,
Tạ lòng các bạn trẻ,
Ta có gì đáng ưa?*

NGUYỄN VĂN TÚ

Thanh Trì phiếm châu nam hạ

*Thanh Đàm thôi biệt duệ,
Nhị thủy tiến hành khâm.
Sa khoát hoàng vân mộ,
Thiên dê bạch nhật trầm.
Khách châu hàn phiếm phiếm,
Giang sắc vân âm âm,
Bất kiến ba đào tráng,
An tri vạn lý tâm?*

Dịch thơ:

Từ Thanh Trì buông thuyền xuôi nam

*Thanh Đàm ⁽¹⁾ giục già chia li
Nhị Hà rười áo người đi lên đường.
Chiều hôm, bãi rộng, mây vàng.
Vòm trời thâm thấp, ánh dương trầm trầm.
Cảnh sông đêm tối âm thầm.
Thuyền ai giá lạnh lằng lằng băng ngàn.
Ví không sóng gió phủ phàng.
Thì sao biết được dậm trường chí xa?*

TRẦN HUY LIỆU

(1) Đầm Thanh Liệt, huyện Thanh Trì, Hà Nội.

Quá Dục thủy sơn

*Thiên địa hữu tư sơn,
Vạn cổ hữu tư tự.
Phong cảnh dĩ kì tuyệt,
Nhi ngã diệc lai thử.
Ngã dục đăng cao sầm,
Hạo ca kì vân thủy.
Hữu ước nãi vi tư,
Phàm sự đại đô nhĩ ⁽¹⁾!*

Dịch thơ:

Qua núi Dục Thúy

*Trời đất có núi ấy,
Muôn thuở có chùa này,
Phong cảnh đã kì tuyệt,
Lại thêm ta đến đây.
Ta muốn lên đỉnh núi,
Hát vang gửi nước mây.
Ao ước mà không được,
Ấy lẽ thường xưa nay ⁽¹⁾!*

NGÔ LẬP CHI

(1) Nguyên câu cuối cùng của dịch giả Ngô Lập Chi:
“Việc đời thường như vậy!” chúng tôi có nhuận
sắc lại như trên.

Tài mai

*Thí tương mai tử trịch sơn gian,
Nhất ác thanh tư kí bách loan.
Kí thủ lai thời xuân sắc hảo
Dữ nhân công tác họa đồ khan.*

Dịch thơ:

Trồng mai

*Đầu non năm hạt mai gieo,
Giống thanh gửi chốn núi dèo xanh tươi.
Nửa mai xuân điểm bầu trời,
Bức tranh tuyệt tác cho đời ngắm chung.*

HOÀNG TẠO

Lạc Sơn hừ trung

*Thiên đệ sơn a thập nhất hài (hồi),
Hành hành bất đoạn tứ du tai!
Dã yên thúy tảo thiên phong tận,
U giản thanh truyền vạn mộc lai.
Điều dục biệt nhân phi khứ chuyển,
Hoa năng tống khách lạc thời khai.
Thiếu niên tậ tẩu chung hà sự?
Úy lộ man man trước lũy hoài!*

Dịch thơ:

Trọ ở Lạc Sơn

*Con đường quanh quất núi bao la,
Đi mãi, đi hoài nghĩ vẫn vơ.
Nghìn núi quét xanh màu khói nội,
Muôn cây nghe lọt tiếng khe xa.
Chim chùng luyến khách kêu khi biệt,
Hoa đợi đưa ai nở cuối mùa?
Tuổi trẻ bôn ba được gì nhỉ?
Mênh mang dậm khách rộn lòng ta!*

KHƯƠNG HỮU DỤNG

Hoành Sơn vọng hải ca

Quân bất kiến:

Hải thượng bạch ba như bạch đầu,

Nộ phong hám phá vạn học châu.

Lôi khu diện bác hải nhân mục,

Trung hữu điểm điểm phù khinh ôu.

Hải khí quyển sơn, sơn như chỉ,

Sơn Bắc, sơn Nam, thiên vạn lí.

Công danh nhất lộ kỉ nhân nhân?

Quan cái phân phân ngã hành hĩ!

Dịch thơ:

Bài ca “Từ Hoành Sơn ngắm biển”

Anh không thấy:

*Sóng biển trào lên như dầu bạc lô nhô,
Gió giật dữ đánh chìm cả những chiếc thuyền to.
Chớp giạt sấm ran ai nấy đều xanh mắt,
Giữa cảnh, con chim hải âu vẫn nhón nhơ.
Biển như cuốn núi, núi từng từng
Non Bắc, non Nam ngàn bạt ngàn.
Mũ lọng mình đi bước lếch thếch,
Công danh đường ấy mấy an nhàn!*

TRẦN HUY LIỆU

Quá Quảng Trị tình

*Lưỡng quan nam quá nhập nam trung,
Nhập đảo Minh Lương tự bất đồng.
Sơn hải chỉ nghi Tề cận lợi,
Lũ thường hoàn tướng Ngụy dư phong.
Cô thành tọa trấn thiên lâm thế,
Sa chủ bình liên nhất thủy không.
Truyền đạo lục long cận tuần hạnh,
Mĩ Xuyên cung ngoại hựu tân cung!*

Dịch thơ:

Qua tỉnh Quảng Trị

Vào Nam, hai cửa ải vừa qua,
 Vào đến Minh Lương⁽¹⁾ thấy lạ ra.
 Nhật nhanh lợi Tề⁽²⁾ non bể sẵn,
 Sẻn so tục Ngụy⁽³⁾ dếp xiêm xưa.
 Khu rừng bát ngát tòa thành chắn,
 Bãi cát mênh mang mặt biển xa.
 Nghe nói sáu rồng vừa ngự tới,
 Cung vua sẵn đó lại cung vua⁽⁴⁾!

TUẤN SINH

-
- (1) Minh Lương: tức sông Hiền Lương (tỉnh Quảng Trị)
 (2) Nước Tề xưa cũng giàu nguồn lợi “tiền rừng bạc bể” như xứ Quảng Trị của ta.
 (3) Nước Ngụy (đời Xuân Thu) nghèo nên dân sống kiệm ước.
 (4) sáu rồng: xe của vua do sáu ngựa kéo. Vua Tự Đức thích du lãm cảnh đẹp, sống xa hoa, đến đâu cũng lập những “cung vua” để hưởng lạc. Tác giả đã kích việc đó.

Thôn cư văn cảnh

*Lì ngoại nhân yên, trúc ngoại âm,
Thung ca thanh yết, trạo ca thâm.
Truy du khách chí phân thư khán,
Tức sự thi thành bão tất ngâm.
Hương thủy mộ trào sinh thiển lại,
Trần sơn hồi chiếu đạm không lâm.
Huân phong đa dữ nhân phương tiện,
Xuy khởi cô liêm nhất bán tâm.*

Dịch thơ:

Cảnh chiều thôn quê

*Ngoài rào khói lạt trúc thưa,
Nhịp chày vừa dứt, điệu hò vang lên.
Khách chơi chia sách cùng xem,
Thơ xong bó gối ngời ngâm thần thờ.
Sông Hương triều xuống bãi trơ,
Khu rừng Hòn Chén đã mờ bóng hóm.
Chiều nhau có trận gió nồm,
Rèm thưa nửa cuốn, tâm hồn thanh thoi..*

HÓA DÂN

Hữu sở tư

*Tiểu tiểu nhân gia tử,
Song song bộ ngũ trì.
Vong tình nằng hữu kỉ!
Ngô diệc ức ngô nhi.
Luyến mẫu đề cơ xứ,
Khiên ông học báí thì.
Môn lan kim bán tịch,
Ứ nhĩ hệ tương tì.*

Dịch thơ:

Nỗi nhớ

*Đôi trẻ nhà ai đó?
Thỏ thẻ bước khoan thai.
Quên tình nào mấy kẻ?
Ta nhớ con ta hoài!
Khi quấy mẹ kêu đói,
Lúc học ông vái người.
Trước nhà nay nửa vắng,
Tưởng nhớ vì con ai!*

HÓA DÂN

Viên trung thảo

*Viên thảo bất tri danh,
Chu hoa dục nhiên hạm.
Hữu sắc thụ nhân liên,
Vô hương dĩ thế đạm.
Trừu chi không tự xuân,
Kết thực bất sung đạm.
Hoài thử cô thượng tư,
Tam thán dĩ tăng cảm!*

Dịch thơ:

Cỏ trong vườn

*Cỏ vườn, tên chẳng rõ,
Hoa đỏ cháy bên thềm.
Có sắc, được người chuộng,
Không hương, đời lãng quên...
Cành mọc, vẻ xuân dưm,
Quả ra, chẳng thể ăn!
Nét thanh cao riêng giữ,
Xui ta luống thở than!*

KIỀU VĂN

Viết hôm nhận được thư nhà (*)

(DỊCH THƠ)

*Người không phải cây cỏ,
Bởi biết buồn, biết vui.
Ai chẳng có thân thích,
Đòi phen lệ sụt sùi.
Đời ta vì chữ danh,
Mười năm uống miệt mài.
Một chút tên trên bảng,
Phờ phạc cả con người.
Chuyến này may gặp vận,
Từng việc lo xong xuôi.
Bỗng đâu cơn gió giật,
Chim bay khép cánh rồi!
Đời thịnh tài đâu phí,
Mình vụng nên mang tai.
Sửa lỗi nghĩ sâu sắc,
Rủ màn những nín hơi.*

* Bài này chúng tôi xin chỉ giới thiệu bản dịch thơ.

Có khách tự quê đến,
 Gặp ta liền thở dài:
 Rằng: "ông có việc rủi,
 Bà chị vừa qua đời!"
 Tay tiếp thư vội mở,
 Tình thần rối rối bời.
 Than ôi! Tình cốt nhục,
 Đau đớn kẻ xa xôi!
 Mới vắng nhà vài tháng,
 Đã bao sự đổi dời.
 Rồi còn sau này nữa,
 Ai biết được cơ trời?
 Ôi trời đất vô tận!
 Lòng thương tiếc bao nguôi!
 Chiều tà càng nghĩ ngợi,
 Thành bắc ngóng ba hồi !

HOÀNG TẠO

Biệt Phạm lang trung

*Dĩ từ niên lai bất tương kiến,
Kiến thời liên ngã cánh liên quân.
Mang mang thân thế tri hà liễu ?
Hạo hạo kiên khôn tích tạm phân.
Vạn lý ức qui sầu Tử Mĩ,
Nhất quan đa bệnh sầu Hưu Văn,
Minh thần khước vọng giang kiều lộ,
Nam lĩnh vân liên Bắc lĩnh vân.*

Dịch thơ:

Từ biệt ông lang trung họ Phạm

*Xa nhau kể đã bốn năm chầy,
Gặp mặt thương mình lại xót ai.
Thân thế mịt mờ bao hết cuộc,
Kiên khôn man mắc lại chia tay.
Xa quê Tử Mĩ ⁽¹⁾ buồn vì nhớ,
Một chúc, Hưu Văn ⁽²⁾ bệnh hóa gầy!
Mai mốt trông vời sông nước cách,
Non nam, núi bắc một trời mây.*

VŨ MỘNG HÙNG

(1) Tử Mĩ (Đỗ Phủ) đời Đường, lúc chạy loạn vào Ba Thục có làm nhiều bài thơ nhớ quê hương.

(2) Hưu Văn (Thẩm Ước) làm quan thời Nam Triều (Trung Hoa) khi già mỗi ngày mỗi gầy xác.

Sa hành đoàn ca

Trường sa phục trường sa,
 Nhất bộ nhất hồi khước.
 Nhật nhập hành vị dĩ,
 Khách tử lệ giao lạc.
 Quân bất học tiên gia mĩ thụy ông,
 Đăng sơn thiệp thủy oán hà cùng.
 Cổ lai danh lợi nhân,
 Bốn tẩu lộ đồ trung.
 Phong tiền tẩu điểm hữu mĩ tửu,
 Tỉnh giả thường thiếu, túy giả đồng.
 Trường sa, trường sa, nại cừ hà?
 Thản lộ mang mang úy lộ đa.
 Thính ngà nhất xương cùng đồ ca.
 Bắc sơn chi Bắc sơn vạn điệp,
 Nam sơn chi Nam ba vạn cấp.
 Quân hồ vi hồ sa thượng lập?

Dịch thơ:

Đoản ca “Đi trên bãi cát”

Bãi cát, bãi cát dài!
 Mỗi bước lại như lùi.
 Mặt trời đã lặn đi chưa nghỉ,
 Khách bộ hành nước mắt tuôn rơi!
 Không học được tiên ông phép ngủ,
 Trèo non, lội suối, giận không nguôi.
 Xưa nay phường danh lợi.
 Bôn tẩu trên đường đời.
 Gió thoảng hơi men trong quán rượu,
 Say cả, hỏi tỉnh được mấy người?
 Bãi cát, bãi cát, ngao ngán lòng,
 Đường phẳng mờ mịt, đường hiểm vô cùng!
 Nghe ta ca “cùng đồ” ⁽¹⁾ một khúc!
 Phía Bắc núi Bắc, núi muôn lớp!
 Phía Nam núi Nam, sóng muôn đợt!
 Sao mình anh còn trơ trên bãi cát!

HUỆ CHI

(1) cùng đồ: đường cùng. <http://tieulun.hopto.org>

Đi đường gặp người đói *

(DỊCH THƠ)

Một người đi thất thiếu.
 Áo nón rách tả tơi.
 Từ phía nam tiến lại,
 Đến trước ta than hoài.
 Ta gạn hỏi nông nổi,
 Rằng: "Gian nan mãi thôi.
 Làm nghề thuốc nghề bói,
 Đến kinh kì sinh nhai.
 Kinh kì chẳng ai ốm,
 Thầy lang mọc khắp nơi.
 Muốn quay về làng cũ,
 Nghìn dặm đường xa xôi.
 Ngày thứ hai bán tráp,
 Ngày thứ ba đói nhoài.
 Gặp người những mừng huyệt.
 Muốn nói không ra lời".
 – "Than ôi! Hãy ngừng lệ,
 Một bữa ta tạm mời.
 Đòi người như quán trọ,
 Ung dung nào mấy ai?
 Thong thả đừng nuốt vội,
 No ứ để hại người!"

NGÔ LẬP CHI

* Bài này chúng tôi xin chỉ giới thiệu phần dịch thơ.

Tức sự

Nhân khan cao điệu độc phàn lung,
 Tự ý thẳng sàng bất ngữ trung.
 Ngũ dạ tâm tình đặng đối ảnh,
 Nhất thu cảnh vật vũ giao phong.
 Mộng hồi thành khuyết hồn nghi khách,
 Lệ sái hành dương huyết bính không.
 Cách xá hà nhân giải ngâm tụng,
 Lũ tương văn tự vấn cơ ông.

Dịch thơ:

Tức sự

Nhìn chim bay giỏi nhót chơ vơ,
 Trên võng kê lưng, chẳng nói thưa.
 Tâm sự canh chầy đèn với bóng.
 Cảnh tình thu trọn gió cùng mưa.
 Mộng về thành khuyết hồn đâu tá?
 Lệ rỏ gông cùm máu uống chưa?
 Ai đó cách nhà ngâm vịnh được,
 Kẻ tù, thường đến hỏi vấn thơ.

HOÀNG TRUNG THÔNG

<http://tieulun.hopto.org>

Tiếp nội thư tính kí hàn y bút điều số sự

Nhất giam dăng hạ vạn hàng đề,
Thủ dạ tàn hồn nhiều tú khuê.
Trường hận thù giao luân cảm tự?
Độc miên nhân tự vọng kim kê.
Hàn y ổn thiếp phong tân tử,
Tổ quản tiêm minh tẩy cựu đề.
Lai thất tha thời hảo qui khứ,
Nhập môn tri hữu nhậm thung thê.

Dịch thơ :

Tiếp thư vợ gửi áo rét, bút và vài thứ *

*Trước đèn thư mở, lệ muôn hàng,
Hồn gửi phòng the luống vắng vương!
Kiếp hận, ai xui theo chữ gấm,
Đêm sương ta những ngóng gà vàng ⁽¹⁾.
Áo mền, ủ ấm bao tình tứ,
Bút mới dầm tan mọi thảm thương!
Rồi nữa nhà Lai ⁽²⁾ khi trở lại.
Bước vào mừng có bạn tao khang.*

NGUYỄN QUÍ LIÊM

* Bài thơ viết trong thời gian Cao Bá Quát bị hạ ngục vì tội “chữa quyển thi” của thí sinh để cứu cho đỗ.

(1) gà vàng: sao Kim Kê, xuất hiện là điềm có ân xá

(2) nhà Lai: nhà ở gò Lai, quê tác giả.

Kí hận

I

*Đoạn bông phi như lưỡng vô côn (cẩn),
Tích biệt tần đề vị tử ngôn.
Độc hạc bất lằng tiêu kính ảnh,
Viễn sơn hà sự phá mi ngân.
Thư thành hận tự không đề huyết,
Tửu túy li bôi tức mộng hồn.
Liệu đắc lữ đình phân thủ hậu,
Kỉ hồi phong vũ ám tây thôn.*

Dịch thơ:

Gửi hận

I

*Cỏ bông lìa gốc liễu tơ bay.
Chưa chết xa nhau lời đắng cay!
Hạc lẻ gương chưa mờ chiếc bóng.
Non xa ngấn đã rạn đôi mây.
Dòng thơ oán hận lệ hòa máu,
Chén rượu phân kì hồn dễ say.
Tưởng tự chia tay nơi quán trọ,
Mấy hồi mưa gió ủ thôn tây.*

HOA BÀNG

II

*Dư sinh cơ bạn chỉ vị danh,
Cánh chước li tư nhất đoạn tình.
Kết tập vị trừ ưng nhĩ nhĩ,
Si tâm tương chiếu nại khanh khanh?
Hoàng hoa sương lí tha thời lệ,
Bạch nhạn phong tiền cụt lữ thanh.
Hàn diệp thu vân vô hạn sự,
Bất kham đề oán mãn giang thành.*

Dịch thơ:

II

*Giám buộc thân này vị chút danh,
Xa nhau lại vướng mối ly tình!
Chưa chừa thói cũ, trơ trọi đó,
Thấu rõ lòng si, hời hời khảnh!
Sương đọng hoa vàng, hắt lệ cũ,
Gió đưa tiếng nhận, bạn quen mình.
Mây thu lá rụng tình man mác,
Chữ “oán” khôn đem viết khắp thành.*

HOA BẰNG

Trường giang thiên

I

*Nhậm giao thùỵ thị, nhậm thùỵ phi,
Tổg dĩ nhân gian quản nhục kì.
Thương thủ bạn tương tam xích giản,
Hiếp kiên duệ trước ngũ thùỵ y.
Hiếu từ phế thạch khai phong khứ,
Mộ bạng Ô đài quái nguyệt qui,
Kí đắc tạc tiêu kinh tích lịch,
Hỏa tiên bôn xứ, lãm thiên uy.*

Dịch thơ:

Thơ vịnh cái gông dài ⁽¹⁾

I

Ở đời phải trái chẳng nề ai,
Chỉ nắm trong tay mấy nhục người.
Ba thước thẻ kèm khi nhắc cánh,
Năm lai áo lệch lúc so vai.
Đi thì rẽ gió ngoài mô đá,
Về lại đeo trăng chốn sảnh dài.
Còn nhớ đêm qua ầm tiếng sét,
Vung văng roi lửa rợn oai trời.

NGUYỄN VĂN TÚ

(1) Tác giả bị tội phải mang gông.

II

Thủ bả trường giang cánh khấu tâm,
Ngô sinh vị để mạn tương tâm?
Ngẫu hành vị khả đa tăng ảnh,
Bạc thụy ưng tri bất quý khâm.
Đỉnh đỉnh bách niên bi ngạnh phiếm,
Lao lao chung nhật tỉnh cơ thâm.
Tiện đương tế chúc song hàng tả,
Minh trước Nghiêu Phu Thiện sự ngâm.

Dịch thơ :

II

*Tay đỡ gông dài tự hỏi lòng:
Đời ta sao lại phải tìm gông?
Cùng đi với bóng không hềm ghét,
Chung ngủ bên chẵn chẳng thẹn thùng!
Léo dèo trăm năm thương củi giạt!
Lao đao trọn buổi xót thân trông!
Chẻ ra mà viết đôi dòng chữ,
“Thiện sự” ghi bài của Thiệu Ung ⁽¹⁾.*

NGUYỄN VĂN TÚ

(1) Thiệu Ung, danh nho đời Tống, có viết bài thơ “Thiện sự ngẫm” nói “người ta làm việc thiện là vì việc thiện nên làm”. Cao Bá Quát bị tội cũng vì làm việc thiện (sửa bài quyền thi để cứu một thí sinh có bài làm tốt, chỉ sai sót nhỏ. Ông cho rằng nếu đánh hỏng thi sinh thì hỏng cả đời). <http://tieuuung.com>

III

*Đạp hương danh đồ bất diệu đầu,
Ngã vô hành dã, diệc vô lưu.
Thi tài đáo để liên Tô Tử,
Thư nghĩa chung tu thuyết Hạ Hầu.
Trước cuộc khởi tri cơ sự giới,
Phấn nhiệm trường quái tửu tinh tù.
Hà dương giá tác vân thê khứ,
Nhất tiểu thừa phong ổn xấn hưu.*

Dịch thơ:

III

Bước tới đường danh chẳng cúi đầu,
Ở đi ta có ý gì đâu.
Tài thơ rồi phải yêu Tô Tử ⁽¹⁾,
Nghĩa sách không ai bỏ Hạ Hâu ⁽²⁾.
Vướng gót, sự đời thường có bấy,
Vénh râu, sao Rượu ⁽³⁾ cũng ngồi tù.
Tiện đây đem bắc làm thang thử,
Cưỡi gió, trèo mây mát mẻ sao!

NGUYỄN VĂN TÚ

-
- (1) Tô Thức (Tô Đông Pha) đời Tống, từng bị hạ ngục vì có kẻ gièm pha rằng ông làm thơ chỉ trích triều đình.
(2) Hạ Hâu Thảng đời Hán, chỉ vì tranh luận về tên thụy của Vũ đế mà bị hạ ngục.
(3) Sao Rượu: chỉ Lí Bạch (thơ Bi Nhật Hưu đời Đường).

Ba cái “roi song” *

(DỊCH THƠ)

Qua rằm tháng chín khí trời mát,
 Sớm ngày ảm đạm ánh nắng nhạt.
 Thân tù tóc rối, trên ghế long,
 Gió thổi áo quần nghe xào xạc,
 Lính lệ chạy lại miệng oang oang,
 Thét to, thúc giục lên công đường.
 Đứng dậy mang gông theo sau hần,
 Khăn tàn xóc xếch bước vội vàng.
 Vào cổng có lính kèm sát nách,
 Phố phường người xem vây kín mít.
 Quan to ngồi trên, dưới một thầy,
 Truyền đem hình cụ bày la liệt.
 Cây roi song lớn dài dài sao!
 Minh răn da thâm, uốn chẳng vào.
 Thân tù nằm sấp, vẻ xanh xám,
 Như con dê sợ nhìn trước sau.
 Tay chân căng thẳng mắt mờ hoáng,
 Mưa lạnh hơi độc xông đến háng.

* Bài này chúng tôi chỉ giới thiệu phần dịch thơ.

Bị tra tấn mãi miệng cũng đỡ,
 Một mực kêu trời: "Khổ! Oan uống!"
 Tiếng quan như sét rường nhà rung,
 Ánh roi như chớp vụt tứ tung.
 Gió lên, rồng quạt bờ ao lở,
 Ngừng lại, nước dội nồi canh bông.
 Đôi cọc sừng sững đứng ngạo nghễ,
 Mấy dây hành lang tiếng rên xé.
 Than ôi! Một nhánh hải đường tơ,
 Chẳng nể Xương Châu ⁽¹⁾ mà nở bẻ!
 Trời chiều cao thăm lại mệnh mang!
 Góc điện vì ta tỏa khí sương
 Roi song buông thông, hết giận dữ,
 Tay chấp, ruột mềm lòng vẩn vương.
 Cùng thông ở đời đều bởi số,
 Tai mắt kém ai mà đau khổ.
 Nợ nhà ơn nước chưa đền xong,
 Chết chốn văn chương đâu phải chỗ!
 Này này roi song!
 Mà có thấy:

(1) Xương Châu: chỉ có hoa hải đường do Ôn Đình Quân trồng ở Xương Châu là có hương thơm (hoa quý)

*Bờ nam Đức Giang, đỉnh núi Nguyệt Hằng ⁽²⁾,
Trên có cây tùng cây bách đương chết dở,
Giữa trời đông rét mướt mà vẫn đứng hiên
ngang?
Nếu có thợ giỏi biết đến,
Thì sá chi những loài bồ kết chương nào tâm
thường !
Nỡ nào đốn chặt cho đang!*

XUÂN TRANG

(2) Sông Đức Giang, núi Nguyệt Hằng, thuộc tỉnh Bắc Ninh, quê hương tác giả.

Độc dạ cảm hoài

*Tân trưởng sinh tàn dạ,
Sơ hàn tổng miếu thu.
Tuế thời song bệnh nhàn,
Thiên địa nhất thi tù.
Ỗ chẩm khan trường kiếm,
Hô dăng kiếm tộ cừu.
Cương liên tâm lực tại,
Cơ ngộ bất cảm sầu.*

Dịch thơ:

Đêm một mình cảm nghĩ

*Con nước mới, giục đêm tàn,
Rét đầu mùa, tiễn muộn màng cảnh thu.
Tháng ngày đôi mắt mịt mù,
Giữa đất trời, một anh tù làm thơ.
Trông gương tựa gối bơ phờ,
Gọi đèn xem lại xác xơ áo cừu.
Xót mình tâm lực cạn đâu,
Mà thân giam hãm mới sầu khôn nguôi !*

Hàn dạ tức sự

*Hồi phong xuy quyển chằm,
Sốc khí bội thể nhiên.
Xuyết tịch giao nô phú,
Phân khâm tà khách miên.
Hương sâu duy phạm dạ,
Thân sự dục qua niên.
Mạc tác du du tướng,
Thư không tiểu vị biên.*

Dịch thơ:

Đêm lạnh tức sự

*Gió lồng thổi quanh gối,
Hơi bác rét căm căm.
Tìm chiếu cho nhỏ đắp,
Chia chăn để khách nằm.
Nhớ nhà thức suốt sáng,
Tỉnh việc dễ sang năm.
Đừng nghĩ miên man nữa,
Viết bóng ⁽¹⁾ chẳng quen làm.*

XUÂN TRANG

(1) Án Hạo làm quan đời Tống bị cách chức, cho là chuyện quái gở, suốt ngày viết lên không bốn chữ “đốt đốt quái sự” (<http://thaulunhopto.org>).

***Thập nguyệt thập thất nhật,
thừa lễ bộ nghiêm tấn hậu,
cường bệnh mạn chí tứ thủ***

(Tuyển nhị)

I

*Cấp lồi bốn diện nhất thân cô,
Thức hữu kinh khan bất cảm hô.
Dư khứ hốt mê phong vũ ác,
Tĩnh lại sâu quái ngữ âm thù.
Bán sinh mệnh bạc thương kê lạc,
Cửu tử tâm toan khiếp hổ tu.
Đa tạ Tiêu gia cựu thời bộc,
Khấp tương ôn ngữ úy vi tu.*

Dịch thơ:

Ngày 17 tháng 10, sau khi bộ
Lễ tra tấn nghiêm ngặt rồi,
gượng đau viết luôn 4 bài

I

*Chóp giật sấm rền một lão trơ ⁽¹⁾,
Bạn bè muốn hỏi phải mần ngơ.
Khiêng về chột tướng trời mưa sập,
Tĩnh lại nào hay lưỡi cứng đồ,
Sống kiếp gân gà, đời lạt lẻo ⁽²⁾,
Chết gồm miệng hổ, dạy cay chua.
Cám ơn chú bọc Tiêu gia cũ ⁽³⁾,
Gạt lệ ân cần với chủ xưa.*

NGUYỄN VĂN TÚ

(1) Tác giả bị tra tấn thân thể giập nát, máu me đầm đìa, khiêng về ngục hai trống canh mới hỏi tỉnh.

(2) Gân gà: thức ăn vô vị.

(3) Chú bọc của Tiêu Đình Sĩ, đời Đường, rất mến chủ vì tài.

II

Hồi tư đãi sĩ chủ ân khoan,
Cảm tích vì tư lí vận gian.
Hàn mặc tri phi ngã tử sở,
Văn chương kí kiến cổ sinh hoàn.
Cù lao di thể gia hương ngoại,
Nô hủ dư sinh khung nhưỡng gian.
Nghĩ hướng bình nhân thoại tâm sự,
Đê thanh trường khứng ngỗ thiên khan.

(1) Tô Đông Pha đời Tống, vì văn chương mà bị tội
rồi sau được tha và đày đi xa.

Dịch thơ:

II

*Cảm tạ ơn vua thực dãi dãi,
Phận hèn dám tiếc gặp chông gai.
Chết trong nghiên bút ta nào phải,
Sống cật vắn chương chuyện có rồi ⁽¹⁾.
Công mẹ uống sinh ngoài xứ sở,
Thân con thừa gửi giữa trần ai.
Muốn đem tâm sự cùng đời tỏ,
Thấp giọng vì e trái ý trời.*

KHƯƠNG HỮU DỤNG

Bệnh trung

Vị tử tàn hình nhất hủ nhỏ,
Cương chi quyền cốt thiến nhân phù.
Trắc thân thiên địa bi cô chường,
Hồi thủ yên tiêu khuất tráng đồ.
Hà nhật qui sào đồng yển yển?
Tha thời tập uyển quý ô ô.
Át đồng bất thức Duy Ma bệnh,
Sát vấn yêu vi sáu tổn vô?

Dịch thơ:

Trong lúc ốm

*Chưa chết thân tàn một hủ nho,
Hình hài nhờ kẻ dất diu cho.
Đất trời đau nỗi bàn tay lẻ,
Mây khói che đường chí khí to.
Về tổ bao giờ như lũ én,
Vào vườn đến thuở thẹn bầy ô.
Bệnh ta chú bé không sao hiểu,
Cứ hỏi: Vòng lưng có sút xo?*

HOÀNG TRUNG THÔNG

Tội định

*Tội định thân hà dụng?
Tài sơ ngộ độc kì.
Đào chân tri hữu tại,
Chuyển sở hạnh sơ từ. (từ)
Giáo thọ năng tam quật,
Tiêu liêu khởi nhất chi?
Sở thân kinh vấn tấn,
Ngâm tọa thử chi di.*

Dịch thơ:

Tội đã định

*Tội khép mong gì nữa,
Tài non, đời đắng cay.
Sinh ta chùng định trước,
Đòn gậy thoát từ đây.
Thỏ phải ba hang nấp,
Chích nào một nhánh cây,
Người thân sơ đến hỏi,
Chốn ngâm, ngồi chống tay.*

HOÀNG TRUNG THÔNG

Ngày 21 tháng giêng, bị giải sang giam ở ngục Thừa Thiên*

(DỊCH THƠ)

Đời ta vốn là hơi là bụi.
 Theo từng cơn gió thổi tới bời.
 Đi về chẳng có định nơi,
 Chỉ trong giữa khoảng đất trời mệnh mang.
 Từ trăm luyện sắt gang cứng rắn,
 Khí hào hùng một đấng ngang tàng,
 Lưới dôi từ độ vắn vương,
 Giấy vò kể đã nhiều phương rũa mài.
 Lòng ta vốn một hai phóng khoáng,
 Nỗi lo buồn bỗng vướng như không,
 Khác chi chiếc lá vẫy vùng,
 Lời này nghe tự Nhiệm công ⁽¹⁾ những ngày.
 Năm hết, dứt dọa đầy roi vọt,
 Mới tin rằng còn chút thân tàn!
 Ngoài nén khí, trong bền gan,
 Không cho ý nghĩ nhỏ nhen bọn mình.

* Bài này chỉ giới thiệu phần dịch thơ.

(1) Nhiệm công (ông nhiều râu) : Tô Thúc

Chợt nhớ lại tuổi xanh ngày đó.
 Say nằm lì trong xó bụi gai,
 Mỏi mà được chốn nghỉ ngơi,
 “Đường cùng” chẳng biết như người khóc thương,
 Nay gặp lúc bước đường khốn khó,
 Phận dành như sợi cỏ bông bay;
 Ở đâu thì cũng thân này,
 Lọ rằng đông với rằng tây, chọn gì?
 Kìa những kẻ xun xoe bợ đỡ,
 Dầu huênh hoang rồi có hay đâu!
 Hãy đem mắt phép nhìn vào,
 Tính khôn cho mấy mà sau còn gì.
 Thân ảo tướng đã kề núi lửa,
 Thì luân đàn ⁽²⁾ nào có khác chi!
 Cũng thì vừa hát vừa đi,
 “Li tao ông” ⁽³⁾ đó chắc gì là ai!

VŨ MỘNG HÙNG

(2) luân đàn (đạn): bánh xe, viên đạn. Ý nói cuộc đời luôn chuyển hóa, sống chết là sự thường.

(3) Khuất Nguyên.

Đoàn Tịch lâm hành bá tư vi biệt tấu bút dư chi

Vị tử tương phùng thị hạnh nhân,
Cánh vi thử biệt lệ triêm cân.
Cố ung kê hạc đồng thê địa,
Cộng chứng phong ba hiện tại thân.
Dữu Lí thảo thành di khổ điệu,
Tì bà khúc bãi tỉnh cô thần.
Lạc hoa thời tiết quân tu kí,
Xuân mãn Giang Nam vô hạn xuân.

Dịch thơ :

**Ông Đoàn Tính ⁽¹⁾ lúc sắp lên
đường, nâng chén từ biệt viết
chạy bài này để tặng**

*Gặp nhau chưa chết đã may rồi,
Lại phải chia tay lệ sụt sùi.
Đành nổi hạc gà chung chỗ đậu,
Cùng đau sóng gió những con người.
Xong bài Dữu Lí ⁽²⁾ còn hơi nảo,
Dứt khúc tì bà ⁽³⁾ cảm phận tôi.
Nên nhớ cuối mùa hoa đã rụng,
Giang Nam còn chán vẻ xuân tươi ⁽⁴⁾.*

KHƯƠNG HỮU DỤNG

-
- (1) Đoàn Tính: người phương hát trong cung, bị lỗi phải đổi đi xa.
(2) Trong ngục Dữu Lí, vua Văn Vương bị vua Trụ giam, đã gảy câu "U Tháo".
(3) Khúc tì bà của ca nữ trong *Tì Bà Hành* của Bạch Cư Dị.
(4) Ý thơ của Đỗ Phủ.

Kiến bắc nhân lai, nhân thoại cố hương tiêu tức

*Mạch mạch tương khan thức lệ ngôn, (ngân)
Nam nam bất yếm thoại hương thôn.
Lão thân kiện tại liên chi cách,
Trĩ tử hoan lai hỉ phụ tồn.
Cựu thảo tự trần đôi phế lộc,
Tiểu mai vô lại khóa tu viên.
Trường đình bắc cố vân thiên viễn,
Xuân tận thù chiêu vị tử hồn?*

Dịch thơ:

Thấy người ngoài Bắc vào, nhân hỏi chuyện quê

*Lặng lẽ nhìn nhau gạt lệ đồn,
Rì rầm chưa dứt chuyện trong thôn,
Cha già mạnh khỏe, thương con vắng,
Bé đại mừng vui biết bố còn.
Bồ rách đã vui chồng sách cũ,
Tường cao còn ló ngọn mơ non.
Đoái trông nẻo bắc trời mây thăm,
Chưa chết, xuân đi ai gọi hồn?*

HÓA DÂN

Đêm rằm tháng 6, dưới ánh trăng viết gửi các bạn cũ

(DỊCH THƠ)

*Nơi giam cầm đối đời hai bạn.
Trăng bể trông tròn chẵn mười phen;
Trăng nay sắc vẫn y nguyên,
Mà nơi khách ở dần quen lối rồi.
Ta nhưng muốn chắp đôi cánh nhẹ,
Bay vút từng khối tia mệnh mang;
Ngô tiên ⁽¹⁾ gặp gỡ giữa đường,*

(1) ông tiên họ Ngô (Ngô Cương đời Hán) bị đày lên Trăng phải dẫn cây quế bất tử.

Đứng bên cây quế, dịu dàng vẫy tay.
 Vừa thấy nhau đậm đà trò chuyện,
 Đường vì ta giờ đến kiếp xưa;
 Nói thăm nghe chẳng nhớ ra,
 Cùng nhau từ ngọn gió hòa chia tay.
 Về đến nơi huyết dài một tiếng,
 Cầm chén toan hỏi đến trời cao;
 Trời cao khôn hỏi được nào,
 Thơ "Non tù" ⁽²⁾ đã vịnh vào một thiên.

VŨ MỘNG HÙNG

(2) "Tù Sơn", phú của Liễu Tông Nguyên.
<http://tieulun.hopto.org>

Ngày trùng cửu, mời khách

TỰA DỊCH NGHĨA:

Năm ngoái tôi bị tổng giam hôm trước thì hôm sau là ngày trùng cửu, tháng ngày trôi qua, nay ngày ấy lại đến, cảm thấy đời mình, nếu có may mà không chết, cũng không còn là cái “ta” khi trước nữa rồi, mà những cuộc lên cao cũng không thể có nữa, mới rót rượu mời các bạn chung quanh tám chín người và nói: “Đây là tiệc sinh nhật kiếp này của gã Mẫn Hiên đây!”

Mọi người lấy làm lạ mà hỏi. Tôi liền nói rõ đầu đuôi và làm bài thơ này.

Dịch thơ:

*Giậm cầm này lại cuối thu rồi
 Mượn buổi Trùng dương ⁽¹⁾ chuốc chén mời.
 Tết mới ai đùa người mất mủ,
 Tiên con vừa thử chuyện mang roi ⁽²⁾.
 Nhìn quanh khách lạ là ta cả,
 Để trước, già đây ít tuổi thôi ⁽³⁾.
 Cảnh ấy tiệc này bao có nữa,
 Cuộc chơi kì tuyệt viết nên lời.*

TUẤN SINH

(1) Tết 9 tháng 9 âm lịch.

(2) Liêm Pha hối hận vì hay ghen ghét Lạn Tương Như (thời Chiến Quốc), đã tự mang roi đến cho Tương Như phạt tội.

(3) Cao Bá Quát coi ngày được xá tội xử trảm là ngày sinh thứ hai của mình, nghĩa là ông trẻ lại như đứa sơ sinh.

Châu trung hiếu vọng phụng trình đồng châu chư quân tử

*Nhất bích ngưng vi giới,
Trùng vân nhiễu tác thành.
Viễn phong xung hải lập,
Cao lãng tiếp thiên bình.
Hương quốc tam xuân ý,
Kiên khôn vạn lý tình.
Đã lâu tần bắc vọng,
Độc kiến tảo yên hoành.*

Dịch thơ:

**Trong thuyền, nhìn cảnh buổi
sáng viết đưa các bạn cùng
thuyền**

*Sắc biếc ngăn giới hạn,
Tầng mây cuốn bức thành.
Non xa ngoài bể thẳm,
Sóng lớn tiếp trời xanh.
Quê quán băng khuâng dạ,
Đất trời man mác tình!
Lâu thuyền trôi hướng bắc,
Mù mịt buổi bình minh.*

NGÔ LẬP CHI

***Nhị thập nhị nhật đắc phong,
hí trình đông châu***

*Qui dữ, Long Nha phiêu diểu gian,
Bắc phong xuy độ vạn trùng loan.
Hoạn du tỉnh thức ngư thiên lí,
Ngu kiến chân thành báo nhất ban.
Hải vụ tình sơ bằng diểu viễn,
Phàm âm lương xứ lãng ngâm nhàn.
Thùy tương Tiểu Tạ kinh nhân cú,
Đề biến thiên nha xứ xứ san.*

Dịch thơ:

**Ngày hai mươi hai được
thuận gió, viết đùa, đưa các
bạn cùng thuyền**

*Rồng leo, Rùa nổi núi xa khơi,
Gió bắc lùa qua muôn vụng dài.
Rộng bước, cá hay nghìn dặm lớn ⁽¹⁾,
Hẹp nhìn, báo thấy một vằn thôi ⁽²⁾.
Khi mù biển tạnh trông xa tít,
Dưới bóng buồm râm hát thánh thoi.
Ước có thơ hay như Tiểu Tả ⁽³⁾,
Viết lên muôn núi khắp chân trời.*

KHUƠNG HỮU DỤNG

(1) Cá ngoài biển khơi rất to lớn, vượt qua nghìn dặm.

(2) Ý nói nhìn thiên cận, kiến thức bị hẹp hòi.

(3) Tiểu Tả (Tả Diếu): nhà thơ nổi tiếng đời Nam Bắc triều mà Lí Bạch phải khâm phục.

Độc dạ khiến hoài

*Bình sinh tính tích tự đam ngâm,
Du biến thiên nha mỗi bất câ.
Phế lộc ngẫu phi thường phủ bể,
Tiêu đồng thùy thưởng độc luân tâm.
Nhàn đa trọc tửu tiêu ma dị,
Khách cửu danh sơn mộng mị thâm.
Vị tạ cô đăng cựu tương chiếu,
Nhất xuân nhân sự đáo như kim.*

Dịch thơ :

Đêm vắng khuấy lòng

Đời đã trót ngâm nga mất nết,
 Chốn chân mây dạo hết vẫn không chừa.
 Vỗ đùi reo khi lục giở sách xưa,
 Đồng tiếng đẹp, lúc cháy thừa ai đã hiểu?
 Chuối ngày rồi dễ trôi qua chén rượu.
 Sống quê người hằng mơ nẻo non xanh.
 Đèn xưa gửi chút tâm tình,
 Việc đời thôi lại vẫn mình năm qua.

VỊ CHỦ và HÓA DÂN

Tự quân chi xuất hĩ

*Tự quân chi xuất hĩ,
Dạ dạ thủ không sàng.
Hải nguyệt chiếu cô mộ,
Giang phong sinh mộ lương.
Tiểu kinh kí viễn khiếp,
Hàn y lưu cố phòng (phòng).
Trì thủ các tự úy,
Bất khiển lương tương vương (vong)!*

Dịch thơ :

Từ ngày anh ra đi

*Từ ngày anh ra đi,
Đêm đêm giường quạnh hiu.
Trăng khời soi mộng lẻ,
Gió bến lạnh hơi chiều.
Áo rét em cất giữ,
Gương nhỏ anh mang theo.
Tạm để cùng yên ủi,
Không lạt tình thương yêu.*

HÓA DÂN

Bài ca tàu thuyền Hồng Mao ⁽¹⁾

(DỊCH THƠ)

Luồng khói bốc lên không,
 Cao trăm thước sừng sững.
 Ngọn ngọn như rồng sa,
 Gió mạnh thổi vẫn đứng.
 Chủ thuyền nhóm dậy thủy thủ theo,
 Từ phía ồn ào cười nói, reo.
 Ta cũng xốc áo hướng đông ngắm:
 “Đây là chiếc tàu Tây đang tiến lại veo veo”.
 Cột tàu chót vót, quay gió lặng,
 Ống khói đứng giữa nhá mây lưng trời cao.
 Dưới có hai guồng xoay chuyển đập ngọn sóng,
 Guồng quay, sóng vỗ âm âm như sấm gào.
 Có lúc chạy ngang, giật lùi, nhanh hơn ngựa,
 Không buồm, không lái, không người chèo.
 Long Nha, Xích Khảm ngoài trăm dặm,
 Phút chốc dè sóng, đến nhẹ vèo.
 Đầu bãi Lặc Tử ⁽²⁾ mây đen kịt,

(1) Hồng Mao: chỉ nước Anh (vì râu tóc người Anh hung đỏ)

(2) Lặc Tử: Singapore.

Trước bến Bạch Thạch ⁽³⁾ trào lui kíp,
 Mũi cao quần trắng đứng trên boong,
 Nghênh mũi gọi trẻ nói tíu tít.
 Bay chẳng biết:
 Nước Vĩ Lư rót về núi Ốc ⁽⁴⁾,
 Ngọn lửa bùng bùng vượt thẳng mây.
 Xoay hướng sang đây hãy cẩn thận!
 Khác hẳn trào dâng bên bể Tây.

HOÀNG TẠO

(3) bến Bạch Thạch tại Giang Lưu Ba (Nam Dương).

(4) Phía đông bể Đông có một vùng biển gọi là Vĩ Lư, muôn dòng nước chảy vào đó; có tảng đá lớn là Ốc Tiêu, nóng cháy dữ dội (có lẽ là miệng núi lửa dưới biển) thiêu hủy bất kì vật nào tới gần.

Dương phụ hành

*Tây dương thiếu phụ y như tuyết,
Độc băng lang kiên tọa thanh nguyệt.
Khước vọng Nam thuyền đăng hỏa minh,
Bả duệ nam nam hướng lang tuyết.
Nhất uyển đề hồ thư lân trì,
Dạ hàn vô ná hải phong xuy.
Phiên thân cánh thiên lang phù khởi,
Khởi thức Nam nhân hữu biệt li!*

Dịch thơ :

Bài hành người đàn bà phương Tây

*Thiếu phụ Tây dương áo trắng phau,
Tựa vai chồng dưới bóng trăng thâu,
Ngó thuyền Nam, thấy đèn le lói,
Kéo áo, rì rầm nói với nhau.
Hừng hờ cốc sữa biếng cầm tay,
Gió bể, đêm sương thổi lạnh thay!
Uốn éo đòi chồng nâng đỡ dậy,
Biết đâu nổi khách biệt li này?*

LÊ TƯ THỰC

Thập lục nhật yết đình Lữ Thuận, thư Trần Ngộ Hiên

Vũ thấp phàm nhưng trọng,
Phong hồi đình khước lưu.
Khách trình do vạn lí,
Hương tứ kích tam thu.
Phù thế thùi thanh nhân?
Kính ba tự bạch đầu.
Tiểu tương trì mộ ý,
Phi tả hướng đông lưu.

Dịch thơ :

**Ngày 16, neo thuyền ở bến
Lũ Thuận, họa thơ của
Trần Ngô Hiên**

*Mưa thấm buồm nặng trĩu,
Gió quanh thuyền đỗ lâu.
Tĩnh đường còn vạn dặm,
Nhớ nước tưởng ba thu.
Đời mấy kẻ xanh mắt!
Sóng vì ai bạc đầu?
Cười đem niềm lận đận,
Tả hết với dòng sâu.*

VỊ CHỦ và HÓA DÂN

***Thanh minh nhật cảm tác,
họa Trần Ngộ Hiên***

*Du du nhân sự kỉ oa long,
Tiết tự kinh tâm thử dạ đồng.
Ba tĩnh hàn ngư không bấp ảnh,
Nguyệt minh cao điệu thượng nghi cung.
Giang hà thế trục doanh hư thủy,
Kim tích sâu liên thượng hạ phong.
Hàm thạch chỉ lao tình vệ hận,
Di sơn trường tiếu lão Ngụ công.*

Dịch thơ :

Ngày thanh minh cảm tác họa thơ Trần Ngộ Hiên

*Việc đời dằng dặc lớp cùng thông,
Thời tiết đêm nay mối cảm chung.
Cá lạnh sóng êm buồn đớp bóng,
Chim cao trắng sáng vẫn ngờ cung.
Giang hồ thế dấy trào lên xuống,
Kim cổ sầu theo gió trập trùng.
Tình vệ hoài công tha đá mãi,
Nực cười đời núi chuyện Ngu Công.*

VŨ MỘNG HÙNG

Đáp Trần Ngộ Hiên

Sạ kiến nan vi ngữ,
Dao ưng thứ ngã ngu.
Bất tài diệc ma chiết,
Đa bệnh cánh trì khu.
Hải viễn giang qui cấp,
Thiên hàn nguyệt xuất cô.
Cử bôi thời tự vấn,
Quyện mã thương trường đồ.

Dịch thơ :

Đáp lời Trần Ngộ Hiên

*Chợt gặp lời khôn ngỏ,
Xin tha lỗi đại khờ.
Không tài cũng thử thách,
Nhiều bệnh vẫn xông pha.
Cách bến dòng sông gấp,
Lạnh trời bóng nguyệt tro.
Nghiêng bầu thương tự như:
Ngựa mỏi, đường còn xa.*

NGUYỄN VĂN TÚ

Trần Ngộ Hiền nhục hữu sở thị tấu bút họa chi

Tây du kế lộ kỉ do tuần?
Vạn học long nhương viễn xán xuân.
Qui mộng dĩ tiêu hồng hạnh vũ,
Lữ sầu ninh trước tố y trần.
Khai phạm chuyển giác phong ba tiện,
Xuất hiểm bình khan vũ trụ tân.
Thùy hướng Tôn gia truyền diệu bút?
Đào đầu thêm tá lãng ngâm nhân.

Dịch thơ:

Trần Ngộ Hiên tặng thơ, viết vội họa lại

*Đường lối tây du mấy độ xa?
Chiếc thuyền muôn học ruỗi xuân qua.
Mộng quê đã trải mùa mưa hạnh,
Sầu khách ai mang mảnh áo nhơ?
Buồm thặng mới hay xuôi sóng gió,
Hiếm nghèo vượt khỏi thấy bao la.
Ai về học nét tranh Tôn tử ⁽¹⁾,
Đầu sóng tôi thêm một khách thơ.*

NGUYỄN VĂN TÚ

(1) Tôn Vi, một họa sĩ xưa có biệt tài vẽ cảnh dưới nước.

Dạ quan Thanh nhân diễn kịch trường

*Liệt cự thôi mình tối thượng đàn,
Nhất thanh hám khởi dạ phong hàn.
Kích tu tráng sĩ phương hoành giáp,
Nộ mục tương quân dĩ cử an.
Xuất thế khởi vô chân diện mục,
Phùng trường lãng tiểu cổ y quan.
Hổ Môn cận sự quân tri phủ?
Thán tức hà nhân ứng tị khan!*

Dịch thơ:

Đêm xem người Thanh diễn kịch

*Sân khấu đèn chằng rực rỡ soi,
Gió đêm hòa tiếng thét ghê người,
Quân vừa đeo giáp sù râu đứng,
Tướng đã lên yên trợn mắt ngời.
Tai mặt đời dâu toàn bộ giả,
Áo xiêm xưa cũng thực trò cười.
Hổ Môn ⁽¹⁾ biết việc gần đây chưa?
Ngán nỗi kia ai nhếch mũi coi!*

VỊ CHỦ và HÓA DÂN

(1) Hổ Môn: nơi Lâm Tắc Từ ra lệnh thiêu hủy thuốc phiện lậu do thực dân Anh đem sang Trung Hoa.

***Thuyền hòi quá Bắc Đữ, dạt
bão bệnh số nhật hĩ. Dạ bán
đăng tường tĩ vọng, thê nhiên
độc hũu hương quan chủ cảm,
nhân gian Trần Ngộ Hiên***

*Bệnh hạc thương hồng vọng dĩ cô,
Sáp linh kim tạm tá bằng đồ.
Tiêu ma hàn mặc cùng tài tử,
Lũng đoạn vân sơn tiện trượng phu.
Chướng thịnh mộ hàn liên Bắc dữ,
Dạ thâm tàn mộng đảo Tây hồ.
Quyện du luyến biệt ưng vô chí,
Thùy tích yên ba cựu diếu đồ?*

Dịch thơ :

**Thuyền về qua đảo Bắc Dữ, ta đã
 ốm nằm mất vài ngày rồi. Nửa đêm
 lên chỗ cột buồm trông ra bốn
 phía, chạnh lòng nhớ quê, viết đưa
 cho ông Trần Ngộ Hiên**

*Hạc ốm hồng đau dà ử rữ,
 Cánh bằng tạm mượn cuộc nam du.
 Tiêu hao bút mực than tài tử,
 Lũng đoạn ⁽¹⁾ non mây hổ trượng phu.
 Hơi độc chiều hôm đầy Bắc dữ,
 Mộng tàn đêm vắng tới Tây hồ.
 Chân chồn, lòng chẳng màng li biệt,
 Mây sóng ai cho thú diều đồ ⁽²⁾.*

Theo H.T.T.V.V.N

Nhà xuất bản Văn hóa. 1963

(1) lũng đoạn: gò lở. Tác giả tự giấu mình đứng nơi gò đất mọn để vờ vệt chút phong cảnh xung quanh.

(2) thú diều đồ (yên ba diều đồ): thú câu cá trong khói sóng. Trương Chí Hòa đời Đường coi đó là cái thú tuyệt vời.

Hạ châu tạp thi

*Lâu các trùng trùng giáp thủy tân,
Tùng âm lương xứ dị hoa xuân.
Thiết li vô tỏa qui xa nhập,
Cá cá ô nhân ngư bạch nhân.*

Dịch thơ :

Thơ vật làm khi ở Hạ Châu

*Bên sông lâu gác trập trùng,
Hoa chi dưới bóng cây tùng tốt tươi?
Xe về cổng sắt mở rồi,
Hầu xe da trắng, rặt người da đen.*

Thập ngữ dạ đại phong

*Nhất dạ trường phong hám hải đài,
Thuận An môn ngoại lãng như lôi.
Thiên thu thượng tác Chu lang khí,
Yếu đả Hồng di cự hạm hồi.*

Dịch thơ :

Đêm rằm gió lớn

*Gió lộng thâu đêm chuyển hải đài ⁽¹⁾,
Thuận An sấm dậy sóng ngoài khơi.
Khí hùng Công Cấn ⁽²⁾ nay còn mạnh,
Tàu chiến Hồng Mao, quyết đánh lui.*

KHƯƠNG HỮU DỤNG

(1) hải đài: đài canh ven biển. Tại Thuận An (Huế) Tự Đức cho dựng những hải đài kiên cố để phòng giặc từ biển tấn công kinh đô Huế.

(2) Công Cấn: Chu Công Cấn (Chu Du) đời Tam Quốc, một tướng lĩnh tài ba của nước Ngô.

***Đắc Hà Thành cố nhân thư
thoại cập gia tình kiêm vấn
cận tác***

*Vấn tấn Chương Sơn cật ẩn thôn,
Cao đường vô dạng lương nhi tồn.
Lục niên sinh tử phủ trầm địa,
Nhất chỉ giao du cảm khái ngôn.
Kim cổ sự đa tu thức định,
Văn chương đạo tiểu lại cùng tôn.
Diệc tri hệ vật phi trường sách,
Đầu bạch qui lai đã bế môn.*

Dịch thơ :

**Được thư bạn cũ ở Hà Thành
nói đến gia đình và hỏi thơ
mới làm**

*Tin tức Chương Sơn được mấy dòng,
Song đường, hai trẻ vẫn thông dong.
Sáu năm sống chết nơi chìm nổi,
Mảnh giấy tâm tình nổi nhớ nhung.
Kim cổ việc nhiều nhìn phải rõ,
Văn chương đạo nhỏ trọng khi cùng.
Lụy đời vốn biết nào lâu được,
Đầu bạc quay về khép cánh song.*

KHƯƠNG HỮU DỤNG

Hương giang tạp vịnh

*Nhất dải duyên giang giáp đệ hùng,
Ngũ quân khai phủ chiếu tây đông.
Vinh khô tứ thập dư niên sự,
Chỉ hữu hà hoa tự cựu hồng.*

Dịch thơ :

Thơ vịnh sông Hương

*Ven sông lâu gác trập trùng,
Đồn quân, dinh tướng tây đông mấy tòa,
Thịnh suy bốn chục năm qua,
Riêng sen vẫn giữ màu hoa đỏ hồng.*

HOÀNG TẠO

Dục bàn Thạch kính

*Triều dâng Hoành Sơn lập,
Mộ há Bàn Kính dục.
Huê thủ lưỡng phiên thạch,
Giang sơn bất dinh cức.*

Dịch thơ :

Tắm ở khe Bàn Thạch

*Sáng lên Hoành Sơn trông,
Chiều xuống Bàn Thạch tắm.
Nhặt hòn đá mỗi nơi,
Núi sông không đầy nắm ⁽¹⁾.*

HÓA DÂN

(1) Một tứ thơ rất đắt và “hiện đại”.

Hiếu quá Hương Giang

Vạn chương như bốn nghìn lục diên,
 Trường giang như kiếm lập thanh thiên.
 Sở hàng ngư đĩnh liên thanh trạo,
 Lương cá sa cầm khuấy túc miên.
 Trần lộ du du song quyền nhĩn,
 Viễn tình hạo hạo nhất qui tiên.
 Kiều đầu xa mã phi ngô sự,
 Phả ái nam phong giác chấm biên.

Dịch thơ :

Buổi sáng qua sông Hương

*Muôn nũi quanh co diều cánh đồng,
Trời xanh gươm dựng một dòng sông.
Giậm đồ văng vẳng vài chài cá,
Co cảng lim dim mấy chú mòng.
Dặm khách mịt mờ đôi mắt mới,
Tỉnh quê man mác chiếc roi vung.
Đầu cầu xe ngựa ta nào tưởng,
Tưởng trận nam phong quạt giắc nồng ⁽¹⁾.*

VŨ MỘNG HÙNG

(1) Bài thơ cho thấy chí vọng lớn lao của Cao Bá Quát: không thèm muốn làm quan, chỉ muốn làm cơn gió lành thổi vào lòng một nhân gian đang mê ngủ.

Động Tác tuần phủ tịch thượng ẩm

*Cố nhân hữu tửu mạc trừ trường,
Chước chước nguyên quân ẩm vô lượng.
Quân bất kiến hồng hộc cao phi thanh vân
thượng,*

*Huyền hạc độc túc thanh sơn bạng.
Hoàng diều hoàng diều qui thực trường,
Do lai bất cảm lương tương kháng.
Cố nhân nỗ lực sự công danh,
Tản nhân qui khứ ngọa giang thành.
Tương khan bôi tửu tối phân minh.*

Dịch thơ :

Trên chiếu rượu ở nhà ông tuần phủ Đông Tác

Chủ sẵn rượu xin đừng ngần ngại!
Hãy rót di, rót mãi, uống đi anh!
Chẳng thấy ru?
Hồng hộc bay cao tít tận mây xanh,
Hạc đen ngủ một mình trên đỉnh núi.
Lũ hoàng đế kiêu kiếm ăn sớm tối,
Từ xưa nay ai chống đối chi ai?
Cố nhân mãi miết việc đời,
Nhàn nhàn về khế ở nơi giang thành.
Chén khuyên tình đã tỏ tình ⁽¹⁾.

NGUYỄN QUÝ LIÊM

(1) Bài thơ phi lộ rõ rệt chí khí anh hùng của họ Cao.

Đăng Hoành Sơn

*Sơn ngoại thanh sơn vạn lý trình,
Sơn biên dã thảo tống nhân hành.
Anh hùng mạc vãn thiên niên quốc,
Chinh chiến không tồn nhất lũy danh.
Bắc lĩnh đoạn vân thu túc vũ,
Nam trang sơ hiệu dãi tân bình,
Há sơn phản giác đăng sơn khổ,
Tự thán du du ỷ tục tình!*

Dịch thơ :

Lên núi Hoành Sơn ⁽¹⁾

*Muôn dặm đường đi núi lẫn đồi,
Bên non cỏ nội tiễn đưa người.
Ai tài kéo nước nghìn năm lại?
Trăm trận còn tên một lũy thôi.
Ai bắc mây tan mưa dứt hạt,
Thôn nam nắng hừng sớm quang trời.
Xuống đèo mới biết lên đèo khó,
Trần lụy, sao đành để cuốn lôi ?*

NGUYỄN QUÝ LIÊM

(1) Tức đèo ngang, dãy núi ở giữa Hà Tĩnh - Quảng Bình.

Ninh Bình đạo trung

*Giang tự mỹ nhân thanh luyện ái,
Sơn như túy khách bích loa bôi.
Tương khan phong nguyệt câu vô tận,
Chỉ khủng thi ông bất khảng hồi.*

Dịch thơ :

Dọc đường Ninh Bình

*Sông tựa dải là cô gái đẹp,
Núi như chén ốc khách làng say.
Trăng trong gió mát kho vô tận,
Chỉ sợ nhà thơ ở mãi đây.*

VŨ MỘNG HÙNG

Qua bãi cát đến làng Đông Dư, tối ngủ đò

(DỊCH THƠ)

Đầu sông đứng ngóng quê hương,
 Quê hương đâu phải dặm trường xa xôi.
 Cớ sao mãi chẳng tới nơi,
 Vừa đi, vừa đứng bồi hồi tại sao?
 Thiếu người cang vông, phải đâu,
 Cũng không chờ đợi bạn bầu, những ai.
 Từ khi vướng lầy lụy đời,
 Nửa bầu máu nóng nhường voi voi dần.
 Đường đời biến ảo phong vân,
 Việc đời ấm lạnh bao lần đổi thay,
 Mũ treo còn chữa hẹn ngày,
 Cổng sài nào biết sau này nơi nao!
 Nghiệp xưa vườn ruộng dẫm sào,
 Rêu hoang cỏ dại ai nào ngó coi!
 Họ hàng người cũng thưa rồi,
 Bữa cơm dưa muối thết mời vẫn chưa.
 Biệt li biết đến bao giờ!
 Thà im, im bất, nói ra ngại lời.
 Trời tây bóng đã xế rồi,
 Vẫn còn nấn ná quê người một thân.

HOÀNG TẠO

Tương đạo cố hương

Cao cao mộc miên thụ,
 Cổ cán hà thanh sơ!
 Thiều thiều vọng thử bang,
 Quyết hữu cao nhân lưu.
 Trúc mật phú dư kinh,
 Thảo phong nhiều tiền trừ:
 Bích chiếu hí tiêm lân,
 Lục đẳng tú gia sơ.
 Y tích truyền kinh xứ,
 Yến tức thú hữu dư!
 Thanh nhân duy thử chuyết,
 Ngô khế tại huyền hư.
 Tự bảo khuê tổ thượng.
 Cách vi khâu hác cư.
 Tuế cửu vị qui khứ,
 Chỉ ứng úy giản thư.
 Tiêu tiêu hoàn đảo thử,
 Mạch mạch dục hà như?
 Tố tâm kì bất phụ,
 Lai giả khả truy dư?

Dịch thơ :

Sắp về đến quê

Cao cao cây gạo đó,
 Gốc cổ ngọn thanh thanh.
 Xa xa trông nẻo ấy,
 Nhà ở bậc cao minh.
 Trúc dầy che lối hẻm,
 Cỏ mượt bọc thềm quanh.
 Ao trong cá vùng vẫy,
 Lúa tốt đồng mông mênh.
 Đây xưa nơi dạy học,
 Đứng ngòi thừa rung rinh.
 Thanh nhàn cam vụng dại,
 Hư không ấy chí mình.
 Từ dèo bông danh lợi,
 Nên xa cách non xanh.
 Lâu lắm chưa về được,
 Vì sợ lệnh thiên đình.
 Bơ phờ nay trở lại,
 Ấm ức nghĩ sao đành.
 Sẵn lòng mong hẵn được,
 Tương lai nào ai tranh?

KHUÔNG HỮU DỤNG

<http://tieulun.hopto.org>

Đế gia

*Song mấn tiêu tiêu bất tự tri,
Hương thôn chỉ điểm thị qui kì.
Mộc Miên điểm lí sương thu tảo,
Thiên mã hồ biên nhật thương trì.
Lân hữu hốt phùng kinh sắc vấn,
Mẫu thân sạ kiến hỉ giao bì.
Bình sinh đa nạn kim trường hối,
Úy hướng gia nhân ngữ biệt lí.*

Dịch thơ :

Về đến nhà

*Mái tóc bơ phờ sự chẳng dè,
Trở về nay lại thấy làng quê.
Điểm Cây Gạo đỏ sương vừa ngớt,
Hồ Ngựa trời đây nắng chứa hoe.
Hàng xóm xôn xao đồn chuyện hỏi.
Mẹ già mừng tủi thấy con về.
Đời gian nan mãi từ nay hối.
Bàn chuyện xa nhà dạ những e.*

NGUYỄN VĂN TÚ

Đề sát viện Bùi công “Yên đài anh ngữ” khúc hậu

Hành, Nhạc, Thái Hàng : thiên hạ sơn,
Hoàng Hà, Giang, Hán : thiên hạ thủy.
Thúy khiến tam xích thẳng sàng gian,
Điệp điệp, trùng trùng kiến lưu tri?
Thủ trung vô số thánh, hiền, hào,
Dã ngữ lai vãng tấn tri kỉ.
Bệnh trung hốt tọa, tọa hốt khởi, (khởi)
Hạp ngô lương mục, bế ngô nhĩ.
Trường thần dịch lự mặc dĩ du,
Nhuộc thân ngô lịch, túc ngô lí.
Khởi dư giả thù? Bùi sứ quân!
Cước để giang sơn vạn dư lí.
Qui lai mãn phúc trữ đồ thư,
Đốt đốt nam nhi chân khoái sự!
Ta ngã bế hộ điêu trùng, xỉ khẩu giáo văn tự,
Hữu như xích hoạch lượng thiên địa.
Tự tông phiếm hải lịch Ba Sơn,

Thủy giác lục hợp hà mang mang!
 Hương tích văn chương đẳng nhĩ hĩ!
 Thế gian thù thị chân nam tử? (tử)
 Uống cá bình sinh độc thư sử.
 Yên Đài sứ giả lão thế đồ,
 Thượng học anh ngôn, dục hà xĩ?
 Quân bất kiến:
 Cao ngọa thất trung quyền du sĩ?
 Tứ bích danh sơn lạn như ý.
 Cầm, Hương cao tung mịch bất phan,
 Nhất danh cơ bạn trường như thử!
 Ô hô! Nhất danh cơ bạn trường như thử!
 Bạch phát, thanh bào, ngô lão hĩ!

Dịch thơ :

**Đề sau khúc Yên đài anh ngữ
của ông Đô sát họ Bùi ⁽¹⁾**

*Núi cao nhất: Thái Sơn, Hành, Nhạc ⁽²⁾!
Sông: Hoàng Hà, Giang, Hán ⁽³⁾ dẫu bì!
Sống quanh bên ba thước vông treo kia,
Mây trùng điệp nước đẹp non kì đều được thấy.
Bao hào kiệt thánh hiền trong ấy,
Cùng với ta, hết thấy bạn bè quen.
Đang ốm nằm, bỗng ngồi dậy, rồi đứng lên,
Bưng tai lại, nhắm nghiền hai mắt lại.
Lắng tinh thần, sạch lãng bao nghĩ ngợi,
Im lìm mà như tới cõi thần du.
Ai làm nức lòng ta? Ông Đô sát họ Bùi!
Ngoài muôn dặm nước non, người đã trái.
Đầy bụng đồ thư khi trở lại,
Lạ lòng sao! Chà việc khoái của tài trai!*

(1) Bùi Ngọc Quý, tổng đốc Bình Phú, từng đi sứ sang nhà Thanh (đời Tự Đức)

(2) Các ngọn núi nổi tiếng của Trung Hoa

(3) Các con sông nổi tiếng của Trung Hoa

*Ngán cho mình đóng cửa nhai văn, nhấm chữ
bấy lâu rồi,*

*Sâu do nợ, những đòi do thế giới!
Từ vượt bể qua Ba Sơn ⁽⁴⁾ đất mới,
Bừng mắt trông, ôi! sáu côi mệnh mang!
Rõ trò chơi từ trước chuyện văn chương,
Khách nam tử ai sống sông bằng sách vở?
Ông Đồ sát già đời trên thế lộ,
Lời “anh ngôn” còn học nữa, đợi chờ chi?
Chẳng thấy ru?
Gã chồn chân nằm khểnh xó nhà kia,
Đầy núi đẹp bốn bề như gấm vóc,
Dấu Cầm, Hường ⁽⁵⁾ cao xa khôn nối gót,
Một chút “danh” ràng buộc mãi không thôi.
Than ôi!
Một chút “danh” ràng buộc mãi không thôi.
Áo xanh, tóc bạc... già rồi!*

HOÀNG TẠO

(4) Ba Sơn (Giang Lưu Ba) nơi tác giả phải đi hiệu lực.

(5) Cầm, Hường: Cầm Khánh và Hường Trường, hai cao sĩ đời Hậu hán.

Du Hội An phòng Vị thành ca già

*Cộng thân tương phòng vãn,
Tương phòng thị khách trung.
Quản huyền kim dạ nguyệt,
Hương quốc kỉ thu phong.
Lệ tận tôn nhưng lục,
Tâm hồi chúc tự hồng,
Cựu du phương lạc lạc,
Nhất khúc mặc từ chung!*

Dịch thơ :

Chơi phố Hội An, gặp người đào hát thành Vị ⁽¹⁾

*Bây giờ mới gặp nhau,
Gặp nhau nơi đất khách.
Trúc tơ đêm trăng này,
Đất nước mấy thu cách.
Lệ cạn rượu còn đây,
Đèn còn lòng nỡ tắt?
Bạn bè lừa thua dần,
Tiếc gì nhau khúc hát!*

HOÀNG TẠO

(1) Thành Vị: Nam Định.

Trà giang thu nguyệt ca

(Tặng Bảo Xuyên
ông chi An Giang quân thứ)

*Trà giang nguyệt,
Kim dạ vị thùi thanh?
Quan sơn vạn lí hảo nhất sắc,
Hà xứ bất hệ li nhân tình?
Cử bôi thí yêu nguyệt,
Nguyệt nhập bôi trung hành.
Hàm bôi dục yết cánh phi khứ,
Chỉ hữu nhân ảnh tương tung hoành.
Đình bôi thả phục trí,
Hạ kiến cô quang sinh.
Vấn quân hà sự luyến luyến bất nhân xả?
Ngã thị Trúc Lâm cùng đồ chi Bộ binh!*

Giang đầu thử tịch phùng thu tiết,
Tửu mãn tu khuynh vị quân thuyết:
Đà môn cật lữ Tồn Chân ông,
Cần hải minh tiên hiệu tương biệt.
Tạc dạ kim phong há thiên khuyết,
Bạch lộ, thanh sương sảo xâm cốt.
Nhân sinh hội ngộ an khả thường?
Hữu tửu thả ẩm Trà giang nguyệt!
Trà giang nguyệt!
Như kính há ngân lưu,
Trượng phu án kiếm khứ tiện khứ,
Kì lộ vô vi nhi nữ sầu!

Dịch thơ:

Bài ca “Trăng thu sông Trà”

(Tặng bác Bảo Xuyên
đi quân thứ ở An Giang)

Trăng sông Trà ⁽¹⁾!
Đêm nay vì ai mà trong sáng?
Muôn dặm quan sơn trắng xóa một màu,
Khắp nơi vương vấn tình người xa nhau.
Cát chén thử mời trăng,
Trăng vào đi trong chén.
Đỡ chén lên môi, trăng vụt biến,
Chỉ còn bóng người đang dọc ngang.
Ngừng chén và đặt xuống,
Trăng hiện về, bóng lại long lanh,
Hỏi trăng: Vì sao quyến luyến đi không nỡ?

(1) Sông Trà: Sông Trà Khúc (Quảng Ngãi)

Ta chỉ là anh Bộ binh trong bọn Trúc Lâm gặp
bước đường cùng ⁽²⁾.

Tối nay thu sang trên đầu sông,
Muốn nghiêng bầu rượu cùng trăng nói:
Tồn Chân bạn cũ cửa sông Đà,
Sớm mai quật ngựa bể Cồn xa!
Gió vàng đêm qua, từ cửa trời thổi xuống,
Móc trắng sương trong lạnh buốt xương da,
Đời người gặp gỡ nhau được mấy?
Có rượu hãy uống với trăng sông Trà.
Trăng sông Trà!
Như tấm gương soi dòng nước bạc.
Trượng phu chống kiếm đi thì đi,
Đừng buồn như đàn bà trong lúc phân li.

VÚ KHIÊU

(2) Nguyễn Tịch (đời Tấn), một tửu đồ nổi tiếng trong nhóm "Trúc Lâm thất hiền", từng xin làm lính bộ binh để được uống rượu thỏa thích.

Hoành Sơn quan

*Địa biểu lập sần nhan,
Liên phong đáo hải gian.
Bách niên khan cổ lũy,
Thiên lí nhập trùng quan.
Túc điều sơ đầu thụ,
Qui vân bán ủng sơn.
Trì trì Tô Quý tử,
Cừu tộ vị tri hoàn.*

Dịch thơ:

Âi Hoàng Sơn ⁽¹⁾

*Non cao nêu đất nước,
 Liền một dãy ra khơi.
 Thành cũ ⁽²⁾ trăm năm vững,
 Ải xa nghìn dặm dài.
 Chim về rừng lác đác,
 Mây bám núi chơi vơi.
 Chàng Tô ⁽³⁾ nấn ná mãi,
 Tấm áo rách tơ rồi.*

HÓA DÂN

(1) Đèo Ngang

(2) Thành cũ: thành Hời (Ông Ninh) ở sườn đèo Ngang.

(3) Chàng Tô: Tô Tần, một thuyết khách nổi tiếng đời Chiến Quốc.

Vịnh Tản Viên sơn

*Danh sơn sơn thượng cổ kim truyền,
 Tứ vọng đoàn đoàn nhược tản viên.
 Vân mai trùng tiêu tình khả trích,
 Địa dao vạn nhận thủy vô quyền.
 Yên hà trường tỏa vô trần cảnh,
 Tuyền thạch nhàn thê bất lão tiên.
 Đường Ý đảm hàn, Cao thúc thủ.
 Nguy nhiên nam cực trấn Nam thiên!*

Dịch thơ:

Vịnh núi Tản Viên ⁽¹⁾

*Núi đây nổi tiếng tự ngàn năm,
Bốn mặt tròn xoe ngất một vòm.
Đỉnh sát từng trời sao dễ với,
Đất cao muôn bậc, nước khôn chờm.
Đá khe vui thú tiên không tuổi,
Mây ráng thường ngăn cảnh khác phàm.
Cao chịu bó tay, Đường Ý khiếp ⁽²⁾,
Phương nam chắt ngất trấn trời nam.*

KHƯƠNG HỮU DUNG

(1) Núi Tản Viên: núi của thần Tản Viên (Sơn Tinh) ở huyện Bát Bạt, tỉnh Sơn Tây.

(2) Đường Ý Tông cử Cao Biền, một phù thủy cao tay, sang yểm mạch núi Tản Viên cho mất thiêng, song Cao Biền không yểm nổi, đành trở về tâu với Ý Tông: “Thần núi Tản Viên thiêng quá, thần không yểm được” <http://tieulun.hopto.org>

Vịnh Thanh Hóa Miêu Tứ sơn

*Hổ cứ giang biên tráng địa duy,
Kiên thai khôn dựng kỉ da thì?
Lăng tầng thạch cốt lăng sương sáu,
Ẩn ước dài mao liếm lộ phi.
Phong động nộ hào kinh án thiếp,
Nguyệt minh cố ảnh diếu kinh phi.
Vông Xuyên nhược hữu truyền thần thủ,
Miêu nhập đan thanh diệp nhất kì.*

Dịch thơ:

Vịnh núi Con Mèo ở Thanh Hóa

*Ngồi chặn bên sông đáng hổ già.
Trời thai đất nghén tự bao giờ.
Gồ ghề cốt đá làn sương đội,
Áp ảnh lông rêu hạt móc sa.
Tiếng gió như gào kinh sợ khiếp,
Sáng trắng rõ bóng chim bay xa.
Vông Xuyên ⁽¹⁾ ví có tay tài vẽ,
Vẽ bức tranh này chẳng lạ a?*

HOÀNG TẠO

(1) Vông Xuyên: biệt thự của Vương Duy (Ma Cật) vừa là thi sĩ trứ danh vừa là họa sĩ lớn đời Đường.

Vọng Phu thạch

*Độc lập sơn đầu đệ nhất phong,
 Chu diêu phấn tạ vị thùi dung?
 Âm thư cửu đoạn nhân hà xứ?
 Thiên hải vô nhai lộ kỉ trùng?
 Huyết lệ yên hòa, minh nguyệt thấp,
 Hương hoàn vân tích lục đài phong.
 Thiên hoang địa lão tình do tạc,
 Dạ dạ xao tàn bích đồng chung.*

Dịch thơ:

Hòn Vọng Phu

*Đứng sừng đầu non đỉnh tuyết vời,
Son phai phấn lợt biết vì ai?
Người nơi nao vắng không tin tức?
Đường mấy trùng xa cách biển trời?
Mây phủ rêu xanh, làn tóc rủ,
Khói dầm trắng bạc, giọt châu rơi.
Trời già đất cõi tình khôn chuyển,
Động biếc chuông đêm vẫn đổ hồi!*

HOÀNG TẠO

Hiếu hùng quán phu

*Vụ lý song cao tấn thủ khiên,
Phúc hiêu, thần chiến, đoán xoa xuyên.
Bách tâm phá thảo trường dê mạch,
Ngũ xích tân ương thượng bạn điền.*

Dịch thơ:

Thợ tát nước trên đồng cao buổi sáng

*Sương nặng gầu đôi mới kéo lên,
Môi run, bụng lép, chiếc toi quên.
Ven dê cỏ vớ ngoài trăm đám,
Dầm thuốc vừa gieo mạ ruộng trên ⁽¹⁾.*

KHƯƠNG HỮU DUNG

-
- (1) Bài thơ này có thể coi là một bài thơ tiên khu của dòng thơ hiện thực trữ tình sẽ phát triển mạnh sau này, nhất là trong thời kì Thơ Mới. Cao Bá Quát có tiềm năng của một thi sĩ đích thực, thơ ông vượt xa thứ văn chương cử tử đầy rẫy ước lệ.

Mộ kiều qui nữ

*Tư lương hàn khổ vị dương kì,
Khang ngọt như châu khước điển y.
Phong lộ quá kiều hồn bất ác,
Ý môn ưng hữu vọng nùng qui.*

Dịch thơ:

Cô gái về qua cầu chiều

*Rét so với dối vẫn còn thua,
Cám đắt hơn vàng, cố⁽¹⁾ áo mua,
Sương gió qua cầu không biết rét,
Tưởng người tựa cửa nóng lòng chờ⁽²⁾.*

NGUYỄN VĂN TÚ

(1) Cầm cố (cầm đồ).

(2) Cũng như bài thơ trước, đây là bài thơ có tính hiện thực cao độ và mang phong vị không khác thơ thế kỉ XX. <http://tieulun.hopto.org>

Vịnh cù dục

*Hàn cao căng tảo tuệ,
Thê thác tại chu lan.
Chỉ vị năng nhân ngữ,
Phiên giao tổn thiệt đoan.
Pha tiền ngư bối lạc,
Chi thượng thước sào an!
Bộc bộc phong trần lí,
Ninh tri dã hạc khoan.*

Dịch thơ:

Vịnh chim sáo

*Sáo kia những hợm sớm khôn,
Gửi thân vào chốn lồng son của đời.
Vì chung bập bẹ tiếng người,
Cho nên đầu lưỡi mi thời còn dâu!
Nào khi bãi vắng lưng trâu,
Nào khi tổ thước cành cao yên lành.
Phong trần sống kiếp loanh quanh,
Đời chim hạc nội thên thên, mong gì!*

HÓA DÂN

Đại hàn

*Bần gia chỉ phạ độc hàn thôi,
Phú gia khước ố thử phục hồi.
Nhân tình giao cạnh lương vị quyết,
Na tri tân tuế ám trung lai.*

Dịch thơ:

Đại hàn (Rét nặng)

*Nhà khó thì lo trời sớm rét,
Nhà giàu lại sợ tiết quay hè.
Hai bên tranh cãi bên nào phải?
Năm mới ngỡ đâu lạng lẽ về.*

NGUYỄN VĂN TÚ

Đôi vù

*Bạo vũ khuynh thiên lậu,
Phi dào tấp địa lai.
Thế liên giang sắc trắng.
Thanh nhập dạ phong ai.
Xích nhật hành hà đạo?
Thương sinh thán kỉ hồi?
Khách tình ngâm vọng viễn,
Thu khí chính tương thôi.*

Dịch thơ:

Nhìn mưa

*Nghiêng trời mưa giội gập,
Chuyển đất sóng bay tung.
Nước cả sông man mác,
Đêm khuya gió não nùng!
Vàng hồng dẫu khuấy mãi,
Dân chúng bao chờ mong!
Tình khách thơ trông ngóng,
Hơi thu rộn rã lòng!*

HÓA DÂN

Đêm mười bảy dưới trăng viết vội gửi bạn

(DỊCH THƠ)

Trời cao sao lác đác,
Trăng sáng trong như nước,
Sâu mùa kêu tí tẻ,
Gió thu thổi hiu hắt.
Có người đẹp trên lầu,
Tựa hiên buồn nín bật.
Dậy xem canh máy rồi,
Dao quanh lại dừng bước.
Chẳng lo đêm lạnh dài,
Chỉ tiếc trăng hầu khuất.
Thiếp thuở đôi tám xưa,
Vẻ so trăng chẳng khác.
Lớn lên tưởng vẫn còn,
Sắc dắm người như trước.
Túm áo bọc ánh trăng,
Chẳng nỡ hoài bỏ vứt.
Xén làm bức thư tình,
Gửi bạn lời tâm phúc!

KHUƠNG HỮU DỤNG

Nửa đêm

(DỊCH THƠ)

Sấm dữ một tiếng ầm,
 Đang đêm dậy vội vã.
 Phàn phật gió khua màn,
 Đầy trời mưa tầm tã.
 Đẩy gối vội sờ đèn,
 Đợi dầu nửa nước lã,
 Đầy trời mưa tầm tã.
 Giọt tranh chảy tong tong,
 Nước sân ngập mắt cá,
 Sấm gầm giận ai chăng?
 Mưa sao mà xối xả?
 Trời đất thương muôn loài,
 Không nên như thế nữa!
 Xuân sang sấm sét nhiều,
 Đánh chết người khắp ngả.
 Thần sấm không biết điều,
 Thu rồi, ai khiến gã?

*Hiện nay lửa ngoài đồng,
Đã bắt đầu vàng quả.
Sông ngòi không chỗ tiêu,
Mà mưa vẫn không đã.
Từ khi ngoài ải yên,
Việc đâu ra đó cả.
Quý thần thực lời mờ,
Dân đáng được thư thả.
Bống mây đen kín tường,
Trời trông mù mịt lạ.
Suốt sáng ngời một mình,
Ngâm ngùi trên ghế tựa.*

HOÀNG TẠO

Du vân

*Du vân vị hữu qui,
Đám mộ bất đắc nhàn.
Phong tòng hà phương lai?
Xuy nhập tăng phong gian.
Tứ hải dĩ vọng vũ,
Ngũ lô trường bế sơn.
Cử thủ thị thiên biểu,
Nguyện ngôn tung cao phan.*

Dịch thơ:

Đám mây trôi

*Mây trôi trôi mãi chưa về,
Sớm hôm tất tả chẳng hề được yên.
Bỗng đâu trận gió nổi lên,
Đưa mây trôi giạt vào miền núi cao.
Trần gian đang ngóng mưa rào,
Sấm đâu còn ở nơi nào im hơi?
Ngẩng lên trông tận chân trời,
Ước gì bay bỗng tuyệt vời với mây !*

NGUYỄN VĂN TÚ

Thu dạ độc tọa tức sự

*Minh nguyệt nhập tiền hiên,
Cô ảnh khuy thanh tôn.
U nhân ái dạ tọa,
Tương đối diệc vong ngôn,
Khởi lập miện không vũ,
Nhân chi thiệp nhàn viên.
Túc túc hậu trùng ngữ,
Thu thu giang điệu huyền.
Minh cư đạm độc thích,
U thương diệu tự luân.
Bạc chúc sấn lương dạ,
Úy ngã cơ lưu hồn.*

Dịch thơ:

Đêm thu ngồi một mình tức sự

*Trăng sáng lọt hiên trước,
Bóng nghiêng bầu rượu nhòm.
Người buồn thích đêm vắng,
Ngồi lặng đối trăng sông.
Đứng dậy nhìn trời đất,
Tiện bước dạo quanh vườn.
Trùng tới mùa, ran rỉ,
Chim bên sông véo von.
Riêng thích ở nơi vắng,
Tự vui trong cảnh buồn.
Nhân đêm thanh nhấp chén,
Yên ử nổi cô đơn.*

KHƯƠNG HỮU DỤNG

Kim nhật hành

Tạc dạ sậu hàn sinh,
 Kiệt kiệt nghiêm phong thích.
 Hiếu lai sương lộ thấu y thường,
 Mạch thượng bất kiến hành nhân tích.
 Kim nhật thoái hàn uy,
 Liệt liệt lưu hi hách.
 Phiền thâm nhiệt trọng bất thăng sam,
 Ý trụ bồi hồi hân như trích.
 Ô, hô! hàn thủ biến thái thúc hốt gian,
 Bất tri lai nhật thủ hoặc hàn?
 Như hà cứu tọa linh tâm toan!

Dịch thơ:

Bài hành “hôm nay”

*Đêm qua bỗng lạnh trời,
Tiếng gió lùa hun hút!
Sáng ra sương móc thấu áo quần,
Đường vắng không còn ai dạo gót!
Hôm nay rét đã lui,
Mặt trời lại như đốt.
Bồn chồn nóng bức áo khôn mang,
Tựa cột, mồ hôi nhỏ thánh thót.
Than ôi! Nóng rét phút chốc bỗng đổi thay,
Chẳng biết rồi mai nóng, rét đây?
Ngồi mãi chi xót dạ này!*

HOÀNG TẠO

Xuân dạ độc thư

*Kim nhân bất kiến cổ thời xuân,
Trù trưởng kim xuân đối cổ nhân.
Thế sự kỉ hà kim bất cổ?
Nhân tiền mạc nhận huyễn vi chân.
Kỉ đa danh lợi chung triều vũ,
Vô số anh hùng nhất tị trần.
Tự tiểu tục câu phao vị đắc,
Nhĩ lai huề quyển thái chuân chuân.*

Dịch thơ:

Đêm xuân đọc sách

*Khách nay chẳng thấy xuân xưa nữa,
Thốn thức xuân nay gặp khách xưa.
Nay hóa thành xưa nào mấy chốc,
Hư nhìn ra thực khỏi lằm chửa?
Bao phường danh lợi, cơn mưa sáng,
Mấy bậc anh hùng, đám bụi mờ.
Tục lụy cười mình chưa dứt được,
Gần đây sách vở quá say sưa.*

NGUYỄN VĂN TÚ

***Du Nam Tào sơn tự, lân
thượng kí vọng đề bích trình
Thúc Minh***

*Tráp niên phong cảnh khước trùng qua,
Như thử giang sơn nại ngã hà!
Thế ngoại du tri kim nhật hảo,
Tọa trung khách tự cố nhân đa.
Kiếp giang xuân nhập danh vương miếu,
Phượng linh yên tàng cựu ẩn gia.
Mạc hướng Cổ Phao thành hạ vọng!
Anh hùng vãng sự ủy thương ba.*

Dịch thơ:

**Chơi chùa núi Nam Tào ⁽¹⁾,
trên lầu trông xa, đề vào
vách trình ông Thúc Minh.**

*Hai mươi năm lại tới đây,
Non sông dường ấy ta rầy tính sao?
Nay vui những cuộc tiêu dao,
Ngồi đây như đã quen bao nhiêu người.
Kiếp giang ⁽²⁾ đẹp miếu anh tài,
Phượng sơn ⁽³⁾ ẩn sĩ nhà ai khói lồng.
Thành Phao ⁽⁴⁾ thôi chớ đừng trông,
Anh hùng dấu cũ chìm trong sóng cồn.*

NGUYỄN QUÍ LIÊM

(1) Núi Nam Tào, thuộc Vạn Kiếp (Hải Dương)

(2) Sông Kiếp Bạc (Hải Dương)

(3) Núi Phượng Hoàng (Kiệt Đặc) ở huyện Chí Linh (Hải Dương) nơi ở ẩn của Chu Văn An.

(4) Thành Cổ Phao (Hải Dương).

Vân du Sài Sơn, vũ hậu đăng sơn đề bích

IV

*Đầu bạc tham du hứng vị dong,
Sàn nhan viễn sách nhất chi cùng.
Nhân trung sơn thủy vạn thiên lí,
Bút để vân yên thập lục phong.
Cổ quán bất văn đề bệnh hạc,
Bán nham hà sự khởi quai long?
Chỉ ưng huê dịch lai thiên thị,
Tiểu vấn chư thiên cách kỉ trùng.*

Dịch thơ :

Chơi Sài Sơn, mưa tạnh lên núi đề thơ vào vách đá

*Tham chơi đầu bạc hứng chưa nguôi,
Chống gậy trèo cao rộng bước chơi,
Bút cuốn khói mây mười sáu ngọn,
Mắt thu non nước vạn trùng khơi.
Am xưa hạc ốm nghe im tiếng,
Rồng bóng vây gương dậy giữa đồi.
Hãy tới chợ trời tung điệu sáo,
Vòm trời cười hỏi mấy xa vời?*

TẢO TRANG

Thức vắn Thận Túc “Phóng quan Nhị Hà” dòng Di Xuân, Hòa Phủ

*Tài thu tế vũ hựu vi phong,
Độc ỷ thương mang mộ khí trung.
Tế bắc sơn liên bình dã hợp,
Trực nam vân nhập đại hoang không.
Thành y long đồ ⁽¹⁾ kiêm thiên tráng,
Lãng quyển đào hoa sách địa hồng.
Hạo hạo quan hà kim cổ ý,
Thử thân hà sự tác thi ông?*

Dịch thơ:

**Họa bài *phóng tầm mắt*
xem cảnh Nhị Hà của Thận
Tư, cùng làm với Di Xuân
và Hòa Phủ**

*Mưa dầm vừa tạnh, gió hơi dong,
Tựa bóng chiều hôm ngắm cảnh sông.
Nẻo bắc núi liền đồng bát ngát,
Phương nam mây hợp khoảng mênh mông.
Thành xây Long đở ⁽¹⁾ lưng trời vững,
Sóng cuốn đào hoa vẩn cát hồng.
Kim cổ miên man tình đất nước,
Sao mình làm mãi một thi ông?*

XUÂN TRANG

(1) Long đở: bụng rồng (Thành Thăng Long nằm ở bụng rồng, theo địa lí)

Đăng Long Thành lãm thắng hữu cảm

*Đệ nhất phồn hoa thủ cựu kinh,
Nùng sơn, Nhị thủy tối cao thanh!
Thiên niên thành quách không kim cổ,
Thập lý nha phường lão tử sinh.
Hàn thực hầu gia yên sắc đạm,
Hương phong tửu điểm liễu hoa minh.
Bất kham phiếm đỉnh Tây hồ nguyệt,
Cố quốc tà dương địch sổ thanh.*

Dịch thơ:

Cảm xúc khi lên thành Thăng Long ngắm cảnh

*Bạc nhất phồn hoa kinh nguyệt cũ,
Cao sâu Nùng, Nhị vẫn sơn hà!
Thành trì trơ mấy hồi kim cổ,
Phường phố thay bao lớp trẻ già.
Tết lạnh cửa hầu đèn lạt khói,
Gió thơm quán rượu liễu tươi hoa.
Hồ Tây khôn nở thuyền trăng dạo,
Sáo gọi hồn quê rộn bóng tà ⁽¹⁾!*

HOÀNG TẠO

(1) Bài thơ phi lộ nỗi lòng ngao ngán thất vọng của tác giả trước Long Thành đang rơi vào cảnh suy vong

Đồng chức hữu đẳng Trấn Vũ tịch chung lâu

*Xuân phong xuy khách thượng cao lâu,
Vân ảnh thiên quang dăng bích lưu.
Phương thảo thê thê hoàng hạc chữ,
Tố ba thiển thiển bạch tần châu.
Vãng lai na quán hoa biên điệp,
Phi túc đồng khan thủy thượng âu,
Nhật mộ vị văn chung hưởng khấu,
Thị thanh cao quả ngọc lâu đầu.*

Dịch thơ:

Cùng các bạn lên gác chuông chùa Trấn Vũ

*Gió xuân thổi nhẹ, khách lên lầu,
Nước loáng trời mây biếc một màu.
Bãi hạc cỏ thơm xanh mượt mượt,
Bến tằm sóng dợn trắng phau phau!
Bên hoa bay liệng tha hồ bướm,
Mặt nước bơi đùa vô số âu.
Bóng xế chầy kinh chưa thấy dạo,
Tiếng thơ, lầu ngọc ⁽¹⁾ lừng lơ cao!*

HOÀNG TẠO

(1) Chỉ gác chuông chùa Trấn Vũ

Du Tây Hồ bát tuyệt
(Tuyển ngũ)

I

*Sáng chữ phồn châm mạc yếm xuân,
Nhất khâu, nhất hác vị toàn bàn.
Địa lưu tuế nguyệt vô sâu cảnh,
Thiên tá giang hồ độc hạnh nhân.*

Dịch thơ:

Tám bài tứ tuyệt chơi Hồ Tây (tuyển năm)

I

*Nhịp chày, tiếng đập rộn ràng xuân,
Hốc nọ, gò kia cảnh chứa chan.
Năm tháng không buồn do đất sắp,
Giang hồ có phúc được trời ban.*

NGUYỄN VĂN TÚ

II

*Diên đảo xuân tâm bất tự tri,
Tây Hồ chân cá thị Tây Thi:
Doanh doanh thúy đại ba bình hậu,
Khúc khúc quần yêu thảo lục thì.*

Dịch thơ:

II

*Chao đảo lòng xuân, khôn cầm nổi,
Tây Hồ đây thật một Tây Thi!
Nét mày mươn mướt, cơn sóng lặng,
Dải lụa lả lơi, cỏ đương thì...*

KIỀU VÂN

III

*Khuyến nhĩ trùng ba tửu nhất chi,
Thiếu niên dư tối giải nhân di.
Khiên lai tây bạn sơn vuu hảo,
Sản khước đông biên quách cánh nghi.*

Dịch thơ:

III

*Mời sòng vì ta cạn chén đưa,
Tuổi xanh ta chỉ thích vui đùa.
Lôi non tây đến càng thêm tốt,
San lũy đông đi lại dễ ưa.*

NGUYỄN VĂN TÚ

IV

*Phiếm phiếm khinh châu khứ vị hoàn,
Cô vân trú xứ thị cô san.
Cao lang chi tự mai hoa sấu,
Xuân tứ hồn như bệnh hạc nhân.*

Dịch thơ:

IV

*Đi mãi chưa về, chiếc mản trôi,
Mây côi dừng lại ngọn non côi.
Thân chàng Cao ⁽¹⁾ tựa cây mai vồ,
Mà tứ xuân như chiếc hạc côi!*

NGUYỄN VĂN TÚ

(1) Cao Bá Quát

V

*Dục bả không can phiến bích lưu,
Vong tình tạm tá khiến xuân sầu.
Ngư nhi vị tín phi ngư phủ,
Đạp đạp như dân khiếp thụ câu.*

Dịch thơ:

V

*Mượn chiếc cần không tới giữa dòng,
Giải buồn nào có ý gì mong ?
Cá kia cứ tưởng là ngư phủ,
Nhón nhác như dân sợ mắc tròng !*

NGUYỄN VĂN TÚ

Du mô cố trạch dạ thính đàn tranh

Tổ thủ điều tranh kịch khái khang,
Nhập xoang đao để Tiểu Tần vương.
Bát niên thoại biệt bồi hồi cửu,
Nhất dạ thương xuân yếm ức trường.
Liên tử hữu tâm tri độc khổ,
Dương hoa vô lực vị thù mang?
Thí chiêu bách học Tô giang thủy,
Biến dữ nhân gian tẩy tặc trường.

Dịch thơ :

Chơi ở một nhà quen cũ, đêm nghe gảy đàn tranh

*Tay ngọc đàn tranh mới dạo qua,
Khúc dẫu khảng khái Tiểu Tần ⁽¹⁾ xưa!
Tám năm cách mặt bao thương nhớ,
Một tối thương xuân mấy thẫn thờ!
Ngậm đắng âm thầm sen có ruột,
Vì ai tất tả liễu bay tơ?
Muốn khơi cạn nước dòng Tô thủy ⁽²⁾,
Rửa sạch cho đời dạ nhộp nhơ.*

HOÀNG TẠO

(1) Tức khúc nhạc “Tần vương phá trận”, ca ngợi chiến thắng của Đường Thái Tông phá tan quân Lưu Chu Vũ.

(2) sông Tô Lịch (huyện Từ Liêm, Hà Nội)

Quá Thiên Quang tự, thương Lê triều cố cung

*Cơ nhân ngẫu nhĩ kinh Chu đạo,
Li thử ngâm tàn cảm cố cung.
Liễn lộ tình kì không thử địa,
Giao đàn thảo thụ tự thu phong.
Bách niên vãng sự bi tà chiếu,
Nhất điểm trần tâm đối vãn chung.
Do hạnh tương phùng hữu tương thức,
Đào thiền nhân thị lão tao ông.*

Dịch thơ :

Qua chùa Thiên Quang ⁽¹⁾, cảm thương cung điện cũ triều Lê

*Khách lạ đường Chu nay bỗng qua,
"Thủ li" ⁽²⁾ thơ đọc cảm cung xưa.
Cờ giông lối ngự này nơi cũ,
Cỏ áy đàn giao, mặc gió thu.
Việc cũ trăm năm thương bóng xế,
Lòng trần một điểm thoáng chuông đưa.
May còn gặp gỡ người quen biết,
Sư cụ đây là một tướng thơ.*

VŨ MỘNG HÙNG

(1) Chùa Thiên Quang: ở phố Tuệ Tĩnh, Hà Nội.

(2) "Thủ li": bài thơ cổ cảm thán cảnh điêu vong của kinh đô Kì Sơn (nhà Tây Chu).

***Chơi động tiên lữ⁽¹⁾ nghe nói
về cảnh đẹp của sông núi
tỉnh Thái Nguyên, say rồi
làm bài này***

(Dịch thơ)

Ông xanh sao khéo vẽ vờ,
Thái Nguyên núi ấy bày chơi làm gì?
Bằng nắm tay hôn núi kia,
Riu thần, búa quỷ li kì chuốt trau.
Mở toang cái động ngàn sâu,
Ngoằn ngoè thạch nhũ muôn màu lạ sao!
Hút heo bạc đá bước vào,
Đường đi như lối cheo leo lên trời.
Mây già đá quái chơi vơi,
Gồ ghề ngạo nghễ, đổ ai dám trèo !
Chỉ còn vượn hót chim kêu,
Riu ran đàn lũ gọi nhau đi về.
Cửa thiên sừng sừng dây kia,
Ấy ai từ trước bỏ đề phát tâm?

(1) Tiên Lữ: động trong dãy núi ở Thái Nguyên (Việt Nam)

Mà nay trong động u thâm,
 Vàng cài, biếc giắt mười phân ưa nhìn.
 Đây nhiều chướng khí lam yên,
 Lại thêm mưa gió ghét ghen phũ phàng,
 Danh sơn chơi khắp khôn màng,
 Vừa nâng chén rượu ý tràn ngập say.
 Hoắc Sơn, Ba Bể mờ mây ⁽²⁾,
 Muốn đi, phải nổi đường này khó đi.
 Ước ao quả động to kia,
 Có ai chịu khó khênh về cho ta
 Để bày những chỗ lại qua,
 Hồ Tây, Phụng Chủy cùng là Châu Long ⁽³⁾.

HOA BẰNG

(2) Hoắc Sơn: núi ở Thái Nguyên, trên núi có "ao tiên" Ba Bể; hồ lớn ở Bắc Cạn.

(3) Hồ Tây ở Hà Nội. Phụng Chủy: khu đất miền Hồ Tây. Châu Long: gò bên cạnh Hồ Tây (ở khoảng chùa Châu Long).

Côn sơn hành

(DỊCH THƠ)

Trời xuân, ôi man mác!
Non xuân muôn dặm dài!
Khách chơi, chiều xách rượu,
Hào khí vượt lưng trời!
Bạn nói: "Trên đỉnh Côn Sơn ⁽¹⁾ rất thanh tú,
Tôi bác cùng lên thăm dấu cũ!"
Trèo cao vượt hiểm, vạch đường đi,
Xa chỉ ngang đầu làn cổ thụ.
Giang tay, phanh áo thũng thỉnh chơi,
Gió thông thổi dịu tình xa xôi.
Tam Thanh, Bát cảnh như theo đến ⁽²⁾,
Đồng Tân, Lí Bạch ⁽³⁾ rộn khuyến mời,
Ngẩng đầu gọi vọng về muôn thuở,
Ngọn cây gió lạnh ào ào đổ!
Tủ phủ thơ vừa nhẹ tiếng ngâm,
Xoa tóc thoát lên cửa thiền ngó.

(1) Côn Sơn: ngọn núi thuộc huyện Chí Linh (Hải Dương)

(2) Tam Thanh: ba chiếc động ở tỉnh Lạng Sơn
Bát Cảnh: tám cảnh đẹp nên thơ ở Hồ Tây.

(3) Lữ Đồng Tân và Lí Bạch: hai nhà thơ đời Đường.

Cửa thiền, trong có đài Phật tổ,
 Xanh biếc làn rêu phong dấu cổ.
 Nghe nói nơi xưa ông Trần ⁽⁴⁾ chơi,
 Núi đầy vẻ đẹp nay vẫn đó.
 Thấu Ngọc ⁽⁵⁾ ven cầu lấm tấm hoa,
 Thanh Hư ⁽⁶⁾ động vắng tiếng chim ca.
 Ưc Trai ⁽⁷⁾ phú dấy, cùng ai đọc?
 Muôn thuở danh cao, trời thăm xa.
 Chỉ có vị sư đời Trần thân chẳng hoại,
 Mắt tuệ vằng vặc soi thế giới.
 Vẫn tin nhà lửa ⁽⁸⁾ là cõi đời,
 Màu nhiệm còn ai người hiểu tới?
 Khách lạ chưa hiểu ta hết ý,
 Những muốn cùng sư giảng đạo lý.
 Trong bình có rượu hãy say đi,
 Vì bác hát khúc "Hàn Sơn tử" (tử) ⁽⁹⁾.

(4) Trần Nguyên Đán

(5) Thấu Ngọc: cây cầu ở Côn Sơn, dưới động Thanh Hư.

(6) Động Thanh Hư ở Côn Sơn, nơi Trần Nguyên Đán nhân cư.

(7) Nguyễn Trãi (cháu ngoại Trần Nguyên Đán), tác giả bài thơ "Côn Sơn ca".

(8) nhà lửa: tượng trưng cho cõi đời đầy phiền não nguy biến (thuyết nhà Phật)

(9) Hàn Sơn tử: Cao tăng đời Đường.

Dưới thành Cổ Phao, bến Lục Đầu ⁽¹⁰⁾,
Hãy trông về bắc! Người xưa đâu?
Anh hùng muôn thuở : một đám bụi!
Trăm trận non sông: ...Chiếc mảng câu!
Uống đi! Uống đi! Đừng ngại say,
Cảnh đời buồn vui, từng lúc thay!
Người nay cười vui, người sau xót,
Nén lòng hiếu nghĩa, chỉ là ngây!
Suy cùng huyền lí, làm gì vậy?
Uống đi! Uống đi! Đừng ngại say!
Kìa trên đầu non, từng cao đôi ba cây.
Trèo lên nhìn tám cõi,
Ngoài trời mây vẫn bay.
Chim xa rủ nhau về,
Phát phối lá rụng đầy.
Khách về hay không đây?

HOÀNG TẠO

(10) Thành Cổ Phao ở Hải Dương; bến Lục Đầu: nơi
hợp lưu của sáu con sông, thuộc huyện Chí Linh,
Hải Dương

Bệnh trung

*Xuân lai tâm lực lưỡng kham tăng,
 Tổn tận yên vi sáu bất thăng.
 Nhập thế chích thân thiên lí mã,
 Khan thư song nhân vạn niên đăng.
 Chuyết thể ỷ chẩm sơ bông mấn,
 Trĩ tử khiên y tạ khúc quăng.
 Nhất tiểu na tri nhàn vị đắc,
 Tiểu lô tiên minh đạm như tăng?*

Dịch thơ:

Trong lúc ốm

*Tâm lực xuân này nghi đáng căm,
 Vòng đai đã sút hẳn khôn cầm.
 Vào đời thân ví ngựa ngàn dặm,
 Đọc sách mắt như đèn muôn năm.
 Tựa gối vợ đàn tung tóc chải,
 Lôi tay con nhỏ ngả đầu nằm ⁽¹⁾.
 Cười xòa nào biết nhàn chưa được,
 Một ấm chè suông cảnh lão tăng.*

NGUYỄN QUÍ LIÊM

(1) Hai câu thơ tả chân rất tài tình sinh động của Cao Bá Quát.

Trê vũ chung dạ cảm tác

*Tế vũ phi phi dạ bế môn,
Cô đăng minh diệt tiểu vô ngôn,
Thiên biên chinh khách khuê trung phụ,
Hà xứ tương tư bất đoạn hồn!*

Dịch thơ:

Mưa dầm suốt đêm cảm tác

*Cửa cài lốt phất đêm mưa,
Ngọn đèn khi tỏ khi mờ, lặng không!
Người viễn tái, kẻ cô phòng,
Tương tư ai chẳng nào lòng như ai!*

HOÀNG TẠO

Độc dạ

*Thành thị huyền ti địa,
Kiên khôn lão bệnh phu.
Tê cung thành nhũng thặng,
Binh tích thả nê đồ.
Hàn lao nãi liên phát,
Tai lê hướng vị tô.
Thái bình vô nhất lược,
Lộc lộc sĩ vi nho.*

Dịch thơ:

Đêm ngồi một mình

*Thị thành nơi ở thấp, ồn,
Một anh già ốm trong khuôn đất trời.
Mang thân thừa thái ở đời,
Nín hơi lánh gót lẫn nơi bùn lầy.
Liên miên lụt rét gần đây,
Dân đen tai nạn bấy nay không lành.
Thái bình một chúc chưa thành,
Tâm thường nghĩ thẹn cho mình nhà nho.*

VŨ MỘNG HÙNG

Mộng vong nữ

*Thân viễn ngô dương bệnh,
Tư nhi mỗi tiết ai.
Hốt nhiên trung dạ mộng,
Sâu kiến lệ như thôi.
Y phục hàn nhưng phá,
Dung nhan thảm bất khai.
Thái diêm bần vị khuyết,
Tân khổ nhữ qui lai!*

Dịch thơ:

Chiêm bao thấy con gái đã mất

*Nhà xa bệnh lại dày vô,
Nhớ con hằng nén xót chua nghẹn ngào
Đêm qua bỗng thấy chiêm bao,
Gặp con, giọt lệ tuôn dào như mưa.
Áo đơn lạnh lẽo xác xơ,
Ủ é nét mặt, bơ phờ hình dung!
Tuy nghèo dưa muối đủ dùng,
Đắng cay con hãy về cùng với cha!*

NGUYỄN VĂN BÁCH

Dữ gia nhân tác biệt thị dạ dư bệnh chuyển phát

*Vong tình tự tiểu ngã hà năng,
Ai lạc niên lai tiệm bất thắng.
Nại biệt hữu giam tàng cựu kính,
Công sầu vô ảnh bạn cô đăng.
Chấm biên hương mộng tam canh viễn,
Cân lí sương mao nhất dạ lắng.
Thủy niệm xuân hàn trung lộ khách,
Ngưu y lang tạ lệ thành băng!*

Dịch thơ:

**Từ biệt người nhà,
ngay đêm ấy lại phát bệnh**

*Vong tình riêng những thẹn không hay,
Vui, xót lòng ta rộn bấy chầy ⁽¹⁾.
Mảnh kính còn phong niêm biệt cũ,
Ngọn đèn không tỏ mối sầu tây.
Hồn quê bên gối ba canh dỗi,
Hoa tuyết trong khăn một tối đầy!
Đất khách lạnh lòng ai có thấu,
Lệ rơi băng đọng áo tôi đầy.*

NGUYỄN VĂN BÁCH

(1) Hai câu thơ phi lộ bản chất đa cảm của thi nhân họ Cao, dù là bậc anh hùng, quốc sĩ nhưng không học được nét “thánh nhân vong tình”!

Độc kinh thi

(DỊCH THƠ)

*Lẩn mình trong đám trần ai,
Căn nhà sâu thẳm cổng ngoài cài then.
Giữ niềm khờ vụng đã quen,
Chiếc thân phóng khoáng nhường quên việc đời.
Thảo huyền⁽¹⁾ ở rảnh một nơi,
Chiếc giường, già vẫn không rời quyển kinh.
Nổi lòng trần trọc thấu canh,
Vấn vợ nào biết rằng mình tỉnh say?
Kìa thơ “Tang hồ”⁽²⁾ mến tài,
“Thấp linh”⁽³⁾ câu vịnh nhớ người hiền nhân.*

(1) Thảo huyền: “Thảo huyền trạch” (Nhà để thảo kinh Thái huyền) của Dương Hùng đời Đông Hán.

(2) Tang hồ: Thơ đọc trong yến tiệc (Kinh Thi)

(3) Thấp linh: Thơ trong Kinh Thi, ca ngợi vua nhà Tây Chu biết trọng dụng hiền tài.

*Nghìn năm ai đã nổi vằn?
Trông gương người trước bội phần ước mơ.
Ác chìm bốn mặt như tờ,
Trời cao, đêm cũng mịt mờ trôi qua.
Dưới thì không ngủ có ta,
Trên thì sao sáng lừng lờ muốn rơi.
Những loài bồ kết tốt tươi,
Chồi lan hiu quạnh ai người biết hương?
Ngoài trời ta hãy ngâm vang,
Tiếng ngân trong tối liệu chừng ai nghe?*

NGUYỄN VĂN TÚ

Mộ đặc xá huynh quán dạ giam thư kiến kí

*Độc dạ tài thư lệ,
Tha hương niệm biệt tình.
Bách niên thân thị khách,
Tứ hải đệ tri huynh.
Trưởng vọng y cô các,
Ai ca đối đoản kinh.
Không giai vô hạn nguyệt,
Cố tác bạng nhân minh.*

Dịch thơ:

Chiều tối, được thư của anh viết đêm trong quán trọ

*Hòa giọt lệ tả thư đêm vắng,
Chốn quê người càng nặng nhớ thương.
Trăm năm là khách trên đường,
Biết anh bốn bể, dễ thương một em.
Tựa gác vắng nỗi niềm trông ngóng,
Ngọn đèn con dãi bóng ngâm dài.
Thềm không trăng sáng đầy trời,
Cố đem ánh bạc mà soi người buồn.*

NGUYỄN QUÝ LIÊM

Bạc vân túy qui

*Mính dính qui lai bất dụng phù,
Nhất giang yên trúc chính mô hồ.
Nam nam tự dữ liên hoa thuyết,
Khả đắc hồng như tửu diện vô?*

Dịch thơ :

Chiều tà, say trở về

*Chuyến choáng say về không đợi dất,
Mặt mừng khói trúc một dòng sông,
Rì rào ghé tới hoa sen hỏi:
“Hoa có hồng như mặt rượu không?”*

NGUYỄN VĂN BÁCH

Bữa chiều không cơm, viết đùa ghi việc

(DỊCH THƠ)

Chim phượng đói khát khao quả trúc ⁽¹⁾,
 Nằm bẹp nơi gai góc kêu thương;
 Ốm đau ngựa kí khan lương,
 Thấy thảo đậu khấu cũng thường hả hê.
 Trường Khanh ⁽²⁾ xưa vốn bề tưng thiếu,
 Nhưng Văn Quân ⁽³⁾ phải khéo lo toan;
 Khi mà Cầu giám ⁽⁴⁾ chưa quen,
 Say sưa nhờ kẻ đứng bên quầy lò.
 Bữa tối nay trong vò gạo cạn,
 Mớ ruột khô hàng vạn kiến bò;
 Giám Hà ⁽⁵⁾ ví tát sông cho,

(1) Chim phượng hoàng chỉ ăn quả trúc, chỉ đậu cây ngô đồng.

(2) Trường Khanh: Tư Mã Tương Như danh sĩ đời Hán

(3) Văn Quân: Trác Văn Quân, mê tiếng đàn của Tương Như, bỏ nhà theo không.

(4) Cầu giám: quan coi chó, sau tiến cử Tư Mã Tương Như lên Vũ Đế bổ làm quan lang.

(5) Giám Hà: kẻ hứa hão đời Trang Tử.

Thì thù nho cũng vì no chết cười.
Mạnh Đức Diệu ⁽⁶⁾ hỏi người nội trợ!
Giã gạo thuê rầy ở nơi nao?
Nay không hết sức vì nhau,
Câu: "Vi phu tử" ⁽⁷⁾ tránh sao miệng đời?
Lại bảo ta ngồi rồi lãng phí,
Hại của trời, trời trị tội cho.
Hiền xưa khó chẳng nhọ lò ⁽⁸⁾,
Hướng chi đức mỏng như ta kể gì?
Ông hàng xóm nể vì toan giúp.
Lục giỏ tre kiếm chút cơm thừa;
Ghé tai ông lão, sẽ thưa:
"Đời ta chỉ một chiếc hồ treo sông" ⁽⁹⁾.
Bước trắc trở thế thường vẫn thế,
Cứ thần nhiên chi kể khó khăn:
Vào đời đâu vị miếng ăn,
Những điều thử thách cổ nhân đã từng.

NGUYỄN QUÝ LIÊM

(6) Mạnh Đức Diệu: tức nàng Mạnh Quang đời Đông Hán, tiết tháo cao thượng, lúc theo chồng đi ở ẩn thường giã gạo thuê kiếm sống.

(7) Vi phu tử: vì chồng con.

(8) Hiền nhân xưa mãi việc nước quên cả thổi lửa nấu ăn.

(9) Ý từ chối không ăn cơm ông hàng xóm cho.

Sơ đầu

*Nhất sinh cô phụ nữ xa thư,
Duyệt tận phong ai phát dũ sơ!
Tâm phát cự tranh trường đoản sự,
Đáo phân như xử tống phân như!*

Dịch thơ:

Chải đầu

*Đời năm xe sách cũng thừa,
Xông pha gió bụi bơ phờ tóc mai.
So chi lòng, tóc vẫn dài?
Khi rối bời cũng rối bời như nhau!*

XUÂN TRANG

Tặng Thổ Khôi Đồ vệ úy xuất Thanh Hóa

Thanh thần sơ dầu tọa tản phát,
 Hoán chỉ tài thi tống quân biệt.
 Hốt nhiên đại tiểu diện ngưỡng thiên,
 Bán thiên khí thổ yên vân phát.
 Ngô châu chi hào, bang chi kiệt,
 Kim thế kị nhân, quân thả thuyết!
 Trích nhữ trượng bát Thanh xà mâu,
 Khán ngā tam tiền kê mao bút.
 Quân bất kiến ?
 Cổ lai kị cá cân đồng cốt thiết,
 Đầu thượng thanh ti thúc như tuyết.
 Xa trần mã túc lão tiêu ma,
 Triều đáo can trường không thị huyết.
 Hồ hải Nguyên Long cố bất trừ,
 Thập niên do trệ thảo vân cư.
 Sinh phùng thanh thế tri hà dụng,
 Khải nhân khan quân di hạ thư.

Dịch thơ:

Tặng ông vệ úy họ Đỗ người làng Thổ Khối ⁽¹⁾ ra làm việc ở Thanh Hóa

*Sáng ra chải đầu ngồi xõa tóc,
Gọi giấy làm thơ tiến chân bác,
Bỗng nhiên ngựa mặt phá lên cười,
Hơi tỏa lưng trời mây khói bốc.
Trong châu ngoài nước những anh tài,
Nay có bao người bác thấy ai?
Xếp ngọn xà mâu trượng tám lại,
Nhìn chiếc bút lông ba tiền đây.
Bác chẳng thấy ?
Từng bao kẻ xương đồng da sắt,
Tóc đang xanh tơ bỗng như tuyết.
Bụi xe vó ngựa hao mòn đời,
Rút hết ruột gan còn có huyết!
Hồ hải Nguyên Long ⁽²⁾ đã bớt râu,*

(1) Thổ Khối: làng thuộc huyện Gia Lâm, Hà Nội.

(2) Nguyên Long, đời Tam Quốc, một người có chí lớn.

*Mười năm chìm đắm chốn am sâu.
Sinh nhằm thời trị làm chi nhĩ?
Giúi mắt chờ xem “sách dưới cầu” (3).*

KHƯƠNG HỮU DỤNG

(3) Sách binh thư của Hoàng Thục Cơ dâng cho Trương Lương đời Tam Quốc.

Đồng tử mục đường lang

*Đồng tử mục đường lang
Hệ chi dĩ tố ti.
Tố ti phục triển miên,
Tất mệnh khô thụ chi.
Đồng tử khởi bất tri,
Sở thất phi nhĩ tri.
Ô hô! ngã hữu dân,
Thận tai tại sát mi!*

Dịch thơ:

Chú bé chặn bộ ngựa

*Chú bé chặn bộ ngựa,
Buộc nó bằng sợi dây.
Sợi dây quấn chẳng chặt,
Nó chết trên cành cây.
Chú bé dẫu ngu ngốc,
Chỗ hỏng chú chưa hay.
Người dắt dân ta hỏi!
Xét kĩ trên lông mày.*

HOÀNG TRUNG THÔNG

***Văn Lưu Nguyệt Trì bắc
hành, khuyết vì diện biệt,
phụng kí nhị thư***

II

*Thần suất tông thiên dữ,
Vu sơ giác nhật thâm.
Tự liên song đoản cước,
Do hạnh nhất sinh tâm.
Vấn tục kinh thời hậu,
Tư hương kí dạ ngâm.
Nhân quân phỏng gia thất,
Phong vũ cộng triêm khâm.*

Dịch thơ:

**Nghe tin Lưu Nguyệt Tri ra
Bắc, không thân đến tiễn
được, kính gửi hai bài**

II

*Trời phú tính ngay thẳng,
Ngày thêm nỗi đại khờ.
Tự thương đôi cẳng vắn,
May giữ tấm lòng xưa.
Chuyện thế ghê thời buổi,
Tình quê gửi khúc ca.
Thăm nhà xin nhắn bác,
Mưa gió lệ cùng sa.*

KHƯƠNG HỮU DỤNG

***Thương Sơn công hữu sở
quĩ vật kiêm trí hảo thi, bệc
phương nhiều vu thất từ chi
thích, cảm thể giao khẩn
tình hiện hồ từ***

*Cứ ngô tiêu tán tự trường ca.
Sấu cốt chi li ứng mấn hoa.
Lão khú văn chương tri kỉ thiếu,
Bần lai khẩu phúc lụy nhân đa!
Hương viên mộng trở tam thu lạo,
Nhi nữ sầu liên bạc mộ nha.
Thùy đạo Mao khanh thành lục lục,
Bình Nguyên môn hạ cánh tha đà!*

Dịch thơ:

**Ông Thương Sơn tặng quà, có
kèm một bài thơ hay, ta đang
bối rối vì con chết, thương
cảm dồn dập, tình hiện ra lời**

*Tựa ghế bư phờ những hát ngao,
Tấm thân gầy guộc, tóc sương gieo.
Văn chương tuổi ấy già ai chuộng!
Cơm áo ngày nay khó lụng nhiều!
Giấc mộng quê hương mùa lụt chần,
Mối sầu con trẻ quạ chiều kêu.
Ai hay Mao Toại mà xoàng nhủ!
Nương cửa Bình Nguyên sớm lại chiều ⁽¹⁾!*

HÓA DÂN

(1) Mao toại: thực khách nhà Bình Nguyên Quân, nước Triệu đời Chiến Quốc.

Bệnh trung, hữu hữu nhân chiêu ẩm tịch thượng tác

*Mỗi ước xuân hoàn tái tửu tông,
Xuân hoàn vô tín phục vô tung.
Khách trung đối kính tam phần sáu,
Bệnh lý khan hoa nhất dạng dung.
Nhập thế công danh hồn trụ tặng,
Truyền gia thư sử mạn đồ long.
Thời nhân ngộ hứa văn chương giá,
Dục bả suy nhan hoán túy đông.*

Dịch thơ:

**Đang ồm, có người bạn mời
uống rượu làm ngay trên tiệc**

*Những hên xuân về chỗ rượu theo,
Xuân về tin tức vắng teo teo.
Quê người soi kính thân gầy vố,
Khi ồm xem hoa cảnh nhạt phèo.
Rơi chỗ ⁽¹⁾ công danh đà chán ngắt,
Mổ rông ⁽²⁾ nghề nghiệp có ai yêu?
Người đời nhằm quí mình hay chữ,
Muốn mượn hơi men đổi má nheo!*

NGÔ LẬP CHI

(1) Rơi chỗ: Mạnh Mẫn, ẩn sĩ đời Đường quấy chỗ đi đường, lỡ đánh rơi, chỗ vố, ông ta không thềm quay nhìn lại.

(2) Mổ rông: Chu Phanh Man xưa học nghề... mổ rông, không ai thuê mổ cả!

Thù hữu nhân úy vấn

*Lâu thượng Nguyên Long khả nại hào!
Đa tình đa bệnh bất tri lao.
Ngẫu nhiên phủ kỉ tâm thiên toái,
Hốt nhĩ hoài nhân nhật bách tao.
Sắc cử tửu bôi liên Tĩnh Tiết,
Lũ niêm thi cú nghĩ Li tao.
Bằng quân kí ngữ cựu tương thức:
Thử khách sầu trung chỉ tự trào!*

Dịch thơ:

Trả lời người bạn hỏi thăm

*Trên gác Nguyên Long ⁽¹⁾ vẫn tĩnh ngông,
Tĩnh nhiều bệnh lăm, chẳng ngồi không.
Xót thân, lòng mấy hồi tan nát,
Vắng bạn ngày trăm lượt nhớ mong.
Bầu dốc những ưa làm Tĩnh Tiết ⁽²⁾,
Vườn gieo toan độ với Tao ông ⁽³⁾.
Nhờ anh nhắn giúp ai quen biết,
Rằng tớ khi buồn độc nói bông.*

XUÂN TRANG

(1) Nguyên Long: người có chí lớn đời Tam Quốc.

(2) Tĩnh Tiết: Đào Tiềm đời Tấn.

(3) Tao ông: Khuất Nguyên (đời Chiến Quốc).

Phục giã Phương đình

*Thập niên ác bút phí quang âm,
Đồ bão tiên ưu hậu lạc tâm.
Thân sự dữ vân tranh tỵ tán,
Thế cơ như thủy trực thăng trầm.
Cố viên cúc tỉnh thu ương trưởng,
Tiểu các mai hàn dạ độc ngâm.
Tự tiểu đa tình tiêu vị dắc,
Phù danh hoàn khước ngộ tri âm.*

Dịch thơ:

Lại đưa thơ cho Phương Đình ⁽¹⁾

*Phí công cầm bút đã mười năm,
Lo trước vui sau chỉ chứa cam.
Thân tựa áng mây đưa tán tỵ,
Đời như dòng nước trải thẳng trâm.
Vườn thu cúc muộn im lìm nở,
Gác tối mai gầy vắng ve ngâm,
Ngán nỗi đa tình chưa trút bỏ,
Phù danh thêm lỗ với tri âm.*

VŨ MỘNG HÙNG

(1) Phương Đình: Nguyễn Văn Siêu (quê Hà Nội), bạn thân tác giả.

***Di Xuân dĩ bốn liên vi thu
phong sở tở hữu thi kiến kí,
nhân thứ kì vận, ca dĩ họa chi***

Vi hoa dương tác liên,
Hương thanh, cán trúc tư dong tiên,
Hoàng nê ngũ dẫu, thủy nhất xích,
Biệt hữu phong trí như động thiên.
Công thành ý toại diếu nhiên khứ,
Bất dư phạm hủy tương phan liên.
Thả chúc bạch ngọc trản!
Thí ngâm Thu thủy thiên!
Phong lưu tiêu sái hứa thủy khả?
Ngã thị Phù Dung thành chi tản tiên!
Nhân gian vận sự liêu nhĩ nhĩ,
Hoan hoa miết nhân chân khinh yên.
Nghiêm phong thể lộ bản sinh ý,
Bất tác quá đáng ngô thiên tuyền.

Dịch thơ:

**Ông Di Xuân, vì có chậu sen
bị gió thu làm xơ xác, có thơ
gửi cho, ta theo vần làm bài ca
họa lại**

*Làm hoa nên làm sen,
Hương thơm thân thẳng đáng ưa nhìn.
Bùn vàng năm dẫu nước một thước,
Phong cách dường như chiếm cõi riêng.
Công thành ý thỏa là di hửn,
Chẳng cùng cỏ nội cùng vẩn vương.
Rót bạch ngọc một chén!
Ngâm Thu thủy một thiên!
Phong lưu khoáng đạt ai bì kịp,
Thành Phù Dung ⁽¹⁾, ta là một vị tẩn tiên.
Muôn việc trên đời đều thế cả,
Cuộc vui như khói, phút tan liền!
Gió ghé, sương buốt, cơ sinh hóa,
Bình thường giữ được tính trời nguyên.*

VŨ MỘNG HÙNG

(1) Thành Phù Dung: nơi tiên ở.

Dữ Quảng Nam học chính Bùi Đồng Túc dạ khởi kiến nguyệt

*Thư đường chúc bãi văn lương sinh,
Thụy khởi đồng long báo tứ canh.
Tùy ngộ bất tri thân thị khách,
Tương khan thùy vị nguyệt vô tình!
Vũ phi Tổ Dịch không đề kiếm,
Thi nhượng Trường Canh diệc lạc tình.
Trà táo yên môi hoàn khiển hứng,
Đồi nhiên bằng chấm đảo thiên minh.*

Dịch thơ:

Nằm cùng với ông đốc học
Quảng Nam họ Bùi đang
đêm trở dậy thấy trăng

*Rượu xong nhà học trời chiều mát,
Ngủ dậy canh tư trống điểm mau.
Tùy tiện quên thân mình khách lạ,
Đa tình có chị nguyệt quen nhau.
Múa thua Tổ Địch ⁽¹⁾ sông cầm kiếm,
Thơ kém Trường Canh ⁽²⁾ cũng rụng sao!
Điếu thuốc ấm trà khuây khỏa vậy,
Ngồi thừ đến lúc mặt trời cao.*

XUÂN TRANG

(1) Tổ Địch: người đời Tấn, có chí lớn, làm tướng lập công to.

(2) Trường Canh: Chử Lí Bạch (Sao Thái Bạch)

***Tiền Nguyễn TrúC Khê ra
nhận chức tại phủ Thường
Tín, đồng thời gửi cho ông
bạn già là Lê Hi Vĩnh ⁽¹⁾***

(DỊCH THƠ)

Đường Hà thành chia tay cùng bạn,
Xe ruổi rong nghìn dặm lạ dẫu;
Ốm đau không rượu tiễn nhau,
Trông vời cây bến ngả màu tà dương.
Cởi áo vải theo đường sách số,
Trước Thạch An, sau đó Phủ Cù; ⁽²⁾
Thạch An lắm núi đã ưa,
Phủ Cù lắm nước cũng vừa ở yên.
Người ta ai chẳng quen nếp sống,
Ta không phiền quấy động là xong;
Hai nơi việc khác, chính chung.

(1) Lê Hi Vĩnh: người huyện Thượng Phúc (Thường Tín).

(2) Thạch An: huyện thuộc Cao Bằng; Phủ Cù: huyện thuộc Hưng Yên.

***Tiền Nguyễn Trúc Khê ra
nhận chức tại phủ Thường
Tín, đồng thời gửi cho ông
bạn già là Lê Hi Vĩnh ⁽¹⁾***

(DỊCH THƠ)

*Đường Hà thành chia tay cùng bạn,
Xe ruổi rong nghìn dặm lạ đâu;
Ôm đau không rượu tiễn nhau,
Trông vời cây bến ngã màu tà dương.
Cởi áo vải theo đường sách số,
Trước Thạch An, sau đó Phủ Cù; ⁽²⁾
Thạch An lắm núi đã ưa,
Phủ Cù lắm nước cũng vừa ở yên.
Người ta ai chẳng quen nếp sống,
Ta không phiền quấy động là xong;
Hai nơi việc khác, chính chung.*

(1) Lê Hi Vĩnh: người huyện Thượng Phúc (Thường Tín).

(2) Thạch An: huyện thuộc Cao Bằng; Phủ Cù: huyện thuộc Hưng Yên.

Nằm mà coi việc thông dong có thừa!
 Bác vâng mệnh bây giờ đến đó,
 Quan trọng chẳng? Hay chỗ thư nhàn?
 Tiếc rằng đất cũ danh hương,
 Nhưng nay thuế khóa xem đường khác xưa.
 Sông liền đông giáp cư ba tỉnh,
 Nơi ở chung thợ, lính, dân lành;
 Nửa làng áo mũ tiếng thanh,
 Nhiều chân lại cũ, đàn anh trong làng.
 Còn phải lo quan tham lính biếng,
 E phép vua, e miệng đồn xa;
 Huyện Phan còn tiếng bạn ta,
 Việc làm ở hạt Ứng Hòa gần đây.
 Nói chi bác, một tay lão luyện
 Lời "tam qui" ⁽³⁾ lâu chuyện làm quan;
 Đắp bồi, bòn rút hai đường,
 Làm điều quạ, làm phượng hoàng bác hay.
 Mấy dòng lúc chia tay tặng bác,
 Nhân tiện đây xin nhắc mấy lời:
 Đất này xưa lắm anh tài,
 Cụ Tiều Ẩn, cụ Ưc Trai ai bì ⁽⁴⁾?

(3) tam qui: ba điều răn của người làm quan (thanh, thận, cần).

(4) Tiều Ẩn: Chu Văn An. Ưc Trai: Nguyễn Trãi.

Khách nam nhi chẳng vì thế thái,
Đem thân ra dõ lầy cương thường;
Ngồi nhìn lang sói nghênh ngang,
Bạc đầu áo gấm về làng bói nhơ.
Lại không hay mực hòa dầu thuẩn,
Tờ hịch bay yên trấn bốn phương;
Mái nhà vào cúi ra luôn,
Già đời nằm chết bên giường vợ, con.
Về chín tuổi gặp hồn hai cụ,
Hắn mặt đầy, hình rũ khó trông,
Việc đời nghĩ những đau lòng,
Thôi ta già quách, còn mong nổi gì?
Đất Cung Hoàng, Nhị Khê bác tới,
Đến từng nơi chiêm bái từ đường;
Thay tôi lạy rót chén vàng,
Tin cho Hi Vĩnh tiện đường cùng hay:
Rằng tôi mạnh khỏe bấy nay,
Tuy rằng chưa chết, nhưng rầy đang diên.

NGUYỄN QUÝ LIÊM

Khuê oán

(DỊCH THƠ)

Mảnh trắng vằng vặc trên không,
 Soi vào chấn áo cổ phòng của ta.
 Bốn bề im bất như tờ,
 Đêm dài chìm lặng điểm thưa giọt đồng.
 Băn khoăn ngồi đứng không xong,
 Một đèn một bóng nỗi lòng càng thêm.
 Gã kia ân ái khoe bền,
 Ai ngờ nay có nỗi niềm ngày nay.
 Hoa tươi hàng xóm nở đầy,
 Vượt nơi tường thấp bên này leo qua.
 Gió đưa hương thoảng xa xa,
 Thổi vào vạt áo của ta đang sêu.
 “Thái tiêu” ⁽¹⁾ học tả nên câu,
 Biến làm một khúc “Bạch đầu” ⁽²⁾ ngâm chung.
 Người đời như tiết lạnh nồng,
 Lạnh nồng thay đổi thì lòng cũng thay!

VŨ MỘNG HÙNG

(1) Thái tiêu: Thơ trong Kinh Thi.

(2) Bạch đầu ngâm: thơ của Trác Văn Quân viết cho chồng là Tư Mã Tương Như, ngăn chồng không lấy nàng thiếp.

Người vác hòm

(Dịch thơ)

*Thất thiếu anh vác hòm,
Mỗi bước lại than thở.
Bỗng gặp người áo khăn,
Cầm tay lệ giàn giụa.
Hỏi anh giờ ra sao?
Mười năm không gặp nhau.
Anh rằng nói chi nữa?
Có ai thuê mượn đâu?
Xưa có ruộng chân dê,
Mười mảnh khá sung túc.
Thu Mậu tí mất mùa,
Lang thang kiếm ăn khắp.
Trở về ruộng bỏ hoang,
Nợ thuế lí hương thúc.
Thuế tô có hạn kì,*

Ruộng rẻ không cố được.
 Chao ôi! Bạn ông xưa,
 Cửa hàng đem bán sức,
 Việc đời thường ngang trái,
 Ba năm không tình thân.
 Há không muốn khỏe mạnh,
 Hết chửi đến roi đòn.
 Nhà trên thức ngon ngọt,
 Dưới toàn gày giờ xương.
 Đi ở đâu không chủ,
 Bỏ đây tìm đâu hơn?
 Nợ thuế lâu ngày chất,
 Tiền ở mấy quan đôi.
 Sáng nay bày tiệc rượu,
 Bình ngọc lơ tay rơi.

KHƯƠNG HỮU DỤNG

Quan chẩn

*Tẩu khan môn ngoại động thanh hô,
 An Thượng hà nhân cánh họa đồ?
 Văn đạo cật triều tương chẩn thí,
 Khả liên dị cảnh diệc huê phù!
 Quân ân vị nhần di cùng hộ,
 Thanh thế thùy năng niệm nhất phu?
 Túc tích thốn tâm không tự thác,
 Đê thùy bất ngữ ý tường ngu.*

Dịch thơ :

Quan phát chẩn

*Chạy xem tiếng nhộn ở ngoài đường,
 Tranh dối nhờ ai vẽ một trương.
 Thấy nói sáng mai ngày phát chẩn,
 Cách vùng bồng bế cảnh nên thương.
 Ôn trên chưa nỡ quên nhà khó,
 Đời thịnh ai lo một kẻ thường!
 Lòng hện với lòng nay hóa hão,
 Cúi đầu lẳng lẳng dựa bên tường.*

NGUYỄN VĂN TÚ

Cái tử

*Cái tử lập trì trù,
Cơ hàn bất cảm hô.
Y khiến song lập phá,
Mệnh dãi nhất tiền tô.
Trung liễm thời phương cấp.
Phiêu lưu nhữ hạt cô?
Bất tài diệc nhân dã,
Nhi nữ mạc khiêu du.*

Dịch thơ :

Người ăn xin

*Người ăn xin tần ngần đứng lặng,
Đói rét mà cũng chẳng dám kêu;
Áo thì mảnh nón ghép đeo,
Tiền thì đợi một đồng tiêu sống người.
Việc sưu thuế đương hồi cấp thiết,
Bước lênh dênch chỉ xiết tội đời!
Hèn chẳng thì cũng là người,
Trẻ con chó có trêu cười rẻ khinh!*

VŨ MỘNG HÙNG

MỤC LỤC

Cùng bạn đọc -----	5
Phó nam cung, xuất giao môn biệt chu đệ tử-----	10
<i>Dịch thơ:</i> Đi thi hội, ra đến cổng làng từ biệt các học trò -----	11
Thanh Trì phiếm châu nam hạ -----	12
<i>Dịch thơ:</i> Từ Thanh Trì buông thuyền xuôi nam -----	13
Quá Dục thúy sơn -----	14
<i>Dịch thơ:</i> Qua núi Dục Thúy -----	15
Tài mai -----	16
<i>Dịch thơ:</i> Trông mai -----	17
Lạc Sơn lũy trung -----	18
<i>Dịch thơ:</i> Trọ ở Lạc Sơn -----	19
Hoành Sơn vọng hải ca -----	20
<i>Dịch thơ:</i> Bài ca "Từ Hoành Sơn ngắm biển" -----	21
Quá Quảng Tri tỉnh -----	22
<i>Dịch thơ:</i> Qua tỉnh Quảng Tri -----	23
Thôn cư văn cảnh -----	24
<i>Dịch thơ:</i> Cảnh chiều thôn quê -----	25
Hữu sở tư -----	26
<i>Dịch thơ:</i> Nỗi nhớ -----	27

Viên trung thảo -----	28
<i>Dịch thơ:</i> Cỏ trong vườn -----	29
Viết hôm nhận được thư nhà -----	30
Biệt Phạm lang trung -----	32
<i>Dịch thơ:</i> Từ biệt ông lang trung họ Phạm ---	33
Sa hành đoản ca -----	34
<i>Dịch thơ:</i> Đoản ca “Đi trên bãi cát” -----	35
Đi đường gặp người đối -----	36
Tức sự -----	37
<i>Dịch thơ:</i> Tức sự -----	37
Tiếp nội thư tính kí hàn y bút điều sổ sự -----	38
<i>Dịch thơ:</i> Tiếp thư vợ gửi áo rét, bút và vải thứ -----	39
Kí hận -----	40
<i>Dịch thơ:</i> Gửi hận -----	41
Trường giang thiên -----	44
<i>Dịch thơ:</i> Thơ vịnh cái gông dài -----	45
Ba cái “roi song” -----	50
Độc dạ cảm hoài -----	53
<i>Dịch thơ:</i> Đêm một mình cảm nghĩ -----	53
Hàn dạ tức sự -----	54
<i>Dịch thơ:</i> Đêm lạnh tức sự -----	55
Thập nguyệt thập thất nhật, thừa lễ bộ nghiêm tấn hậu, cưỡng bệnh mạn chí tứ tử -----	56

<i>Dịch thơ:</i> Ngày 17 tháng 10, sau khi bộ Lễ tra tấn nghiêm ngặt rồi, gượng đau viết lên 4 bài -----	57
Bệnh trung -----	60
<i>Dịch thơ:</i> Trong lúc ốm -----	61
Tội định -----	62
<i>Dịch thơ:</i> Tội đã định -----	63
Ngày 21 tháng giêng, bị giải sang giam ở ngục Thừa Thiên -----	64
Đoàn Tính lâm hành bả tửu vi biệt tẩu bút dữ chi	66
<i>Dịch thơ:</i> Ông Đoàn Tính lúc sắp lên đường, nâng chén từ biệt viết chạy bài này để tặng -----	67
Kiến bắc nhân lai, nhân thoại cổ hương tiêu tức --	68
<i>Dịch thơ:</i> Thấy người ngoài Bắc vào, nhân hỏi chuyện quê -----	69
Đêm rằm tháng 6, dưới ánh trăng viết gửi các bạn cũ -----	70
Ngày trùng cửu, mời khách -----	72
Châu trung hiểu vọng phụng trình đồng châu chư quân tử -----	74
<i>Dịch thơ:</i> Trong thuyền, nhìn cảnh buổi sáng viết đưa các bạn cùng thuyền -----	75
Nhị thập nhị nhật đắc phong, hí trình đồng châu	76
<i>Dịch thơ:</i> Ngày hai mươi hai được thuận gió, viết	

đưa, đưa các bạn cùng thuyền -----	77
Độc dạ khiến hoài -----	78
<i>Dịch thơ: Đêm vắng khuấy lòng</i> -----	79
Tự quân chi xuất hĩ -----	80
<i>Dịch thơ: Từ ngày anh ra đi</i> -----	81
Bài ca tàu thủy Hồng Mao -----	82
Dương phụ hành -----	84
<i>Dịch thơ: Bài hành người đàn bà phương Tây</i>	85
Thập lục nhật yết đình Lữ Thuận, thứ Trần Ngô Hiên -----	86
<i>Dịch thơ: Ngày 16, neo thuyền ở bến Lữ Thuận, họa thơ của Trần Ngô Hiên</i> -----	87
Thanh minh nhật cảm tác, họa Trần Ngô Hiên --	88
<i>Dịch thơ: Ngày thanh minh cảm tác họa thơ Trần Ngô Hiên</i> -----	89
Đáp Trần Ngô Hiên -----	90
<i>Dịch thơ: Đáp lời Trần Ngô Hiên</i> -----	91
Trần Ngô Hiên nhục hữu sở thị tẩu bút họa chi --	92
<i>Dịch thơ: Trần Ngô Hiên tặng thơ, viết vội họa lại</i> -----	93
Dạ quan Thanh nhân diễn kịch trường -----	94
<i>Dịch thơ: Đêm xem người Thanh diễn kịch</i> ---	95
Thuyền hồi quá Bắc Dũ, dư bão bệnh sở nhật hĩ. Dạ bán đăng tường tứ vọng, thê nhiều độc hữu hương	

quan chi cảm, nhân gián	
Trần Ngô Hiền -----	96
<i>Dịch thơ:</i> Thuyền về qua đảo Bắc Dũ, ta đã ốm	
nằm mất vài ngày rồi. Nửa đêm lên chỗ cột	
buồm trông ra bốn phía, chạnh lòng nhớ quê,	
viết đưa cho ông Trần Ngô Hiền -----	97
Hạ châu tạp thi -----	98
<i>Dịch thơ:</i> Thơ vật làm khi ở Hạ Châu -----	
	98
Thập ngũ dạ đại phong -----	99
<i>Dịch thơ:</i> Đêm rầm gió lớn -----	
	99
Đắc Hà Thành cố nhân thư thoại cập gia tình kiêm	
vấn cận tác -----	100
<i>Dịch thơ:</i> Được thư bạn cũ ở Hà Thành nói đến	
gia đình và hỏi thơ mới làm -----	
	101
Hương giang tạp vịnh -----	102
<i>Dịch thơ:</i> Thơ vịnh sông Hương -----	
	102
Dục bàn thạch kính -----	103
<i>Dịch thơ:</i> Tắm ở khe Bàn Thạch -----	
	103
Hiếu quá hương Giang -----	104
<i>Dịch thơ:</i> Buổi sáng qua sông Hương -----	
	105
Động Tác tuần phủ tịch thượng ẩm -----	106
<i>Dịch thơ:</i> Trên chiếu rượu ở nhà ông tuần phủ	
Động Tác -----	107
Đăng Hoành Sơn -----	108

<i>Dịch thơ:</i> Lên núi Hoành Sơn -----	109
Ninh bình đạo trung -----	110
<i>Dịch thơ:</i> Dọc đường Ninh Bình -----	110
Qua bãi cát đến làng Đông Dư, tối ngủ đố -----	111
Tương đảo cổ hương -----	112
<i>Dịch thơ:</i> Sắp về đến quê -----	113
Đế gia -----	114
<i>Dịch thơ:</i> Về đến nhà -----	115
Đề sát viện Bùi công "Yên đài anh ngữ" khúc hậu-----	116
<i>Dịch thơ:</i> Đề sau khúc "Yên đài anh ngữ" của ông đồ sát họ Bùi -----	118
Du Hội An phùng Vị thành ca giả -----	120
<i>Dịch thơ:</i> Chơi phố Hội An, gặp người đào hát thành Vị -----	121
Trà giang thu nguyệt ca -----	122
<i>Dịch thơ:</i> Bài ca "Trăng thu sông Trà" -----	124
Hoành Sơn quan-----	126
<i>Dịch thơ:</i> Ải Hoành Sơn-----	127
Vịnh Tản Viên sơn -----	128
<i>Dịch thơ:</i> Vịnh núi Tản Viên -----	129
Vịnh Thanh Hóa Miêu Tử sơn -----	130
<i>Dịch thơ:</i> Vịnh núi Con Mèo ở Thanh Hóa ---	131
Vọng Phu thạch -----	132
<i>Dịch thơ:</i> Hòn Vọng Phu-----	133

Hiếu lũng quán phu -----	134
<i>Dịch thơ: Thợ tát nước trên đồng cao</i>	
buổi sáng -----	134
Mộ kiều qui nữ -----	135
<i>Dịch thơ: Cô gái về qua cầu kiều -----</i>	
Vịnh cù dục -----	136
<i>Dịch thơ: Vịnh chim sáo -----</i>	
Đại hàn -----	138
<i>Dịch thơ: Đại hàn (Rét nặng) -----</i>	
Đối vũ -----	139
<i>Dịch thơ: Nhìn mưa -----</i>	
Đêm mười bảy dưới trăng viết vội gửi bạn -----	140
Nửa đêm -----	141
Du vân -----	143
<i>Dịch thơ: Đám mây trôi -----</i>	
Thu dạ độc tọa tức sự -----	144
<i>Dịch thơ: Đêm thu ngồi một mình tức sự ----</i>	
Kim nhật hành -----	146
<i>Dịch thơ: Bài hành "hôm nay" -----</i>	
Xuân dạ độc thư -----	148
<i>Dịch thơ: Đêm xuân đọc sách -----</i>	
Du Nam Tào sơn tự, lân thượng kí vọng để bích trình Thúc Minh -----	150
<i>Dịch thơ: Chơi chùa núi Nam Tào, trên lầu</i>	

trông xa, để vào vách trình ông Thúc Minh -	151
Văn du Sài Sơn, vũ hậu đăng sơn để bích -----	152
<i>Dịch thơ:</i> Chơi Sài Sơn, mưa tạnh lên núi để thơ vào vách đá -----	153
Thứ vận Thận Tư “Phóng quan Nhị Hà” đồng	
Di Xuân, Hòa Phủ -----	154
<i>Dịch thơ:</i> Họa bài “phóng tầm mắt xem cảnh Nhị Hà” của Thận Tư, cùng làm với Di Xuân và Hòa Phủ -----	155
Đăng Long Thành lãm thắng hữu cảm -----	156
<i>Dịch thơ:</i> Cảm xúc khi lên thành Thắng Long ngắm cảnh -----	157
Đồng chư hữu đăng Trấn Vũ tự chung lâu -----	158
<i>Dịch thơ:</i> Cùng các bạn lên gác chuông chùa Trấn Vũ -----	159
Du Tây Hồ bát tuyệt (Tuyển ngũ) -----	160
<i>Dịch thơ:</i> Tám bài tứ tuyệt chơi Hồ Tây (tuyển năm) -----	161
Du mỗ cổ trạch dạ thính đàn tranh -----	166
<i>Dịch thơ:</i> Chơi ở một nhà quen cũ, đêm nghe gảy đàn tranh -----	167
Quá Thiên Quang tự, thương Lê triều cổ cung ---	168
<i>Dịch thơ:</i> Qua chùa Thiên Quang, cảm thương cung điện cũ triều Lê -----	169
Chơi động tiên lữ nghe nói về cảnh đẹp của sông	

núi tình Thái Nguyên, say rồi làm bài này -----	170
Côn sơn hành -----	172
Bệnh trung -----	175
<i>Dịch thơ:</i> Trong lúc ốm -----	175
Trẻ vũ chung dạ cảm tác -----	176
<i>Dịch thơ:</i> Mua dầm suốt đêm cảm tác -----	176
Độc dạ -----	177
<i>Dịch thơ:</i> Đêm ngồi một mình -----	177
Mộng vong nữ -----	178
<i>Dịch thơ:</i> Chiêm bao thấy con gái đã mất ---	179
Dữ gia nhân tác biệt thị dạ dư bệnh chuyển phát -----	180
<i>Dịch thơ:</i> Từ biệt người nhà, ngày đêm ấy lại phát bệnh -----	181
Đọc kinh thi -----	182
Mộ đắc xá huynh quán dạ giam thư kiến kí -----	184
<i>Dịch thơ:</i> Chiều tối, được thư của anh viết đêm trong quán trọ -----	185
Bạc văn túy qui -----	186
<i>Dịch thơ:</i> Chiều tà, say trở về -----	186
Bữa chiều không cơm, viết đùa ghi việc -----	187
Sơ đầu -----	189
<i>Dịch thơ:</i> Chải đầu -----	189
Tặng Thổ Khối Đỗ vệ úy xuất Thanh Hóa -----	190

<i>Dịch thơ:</i> Tặng ông vệ úy họ Đỗ người làng	
Thổ Khối ra làm việc ở Thanh Hóa -----	191
Đồng tử mục đường lang -----	193
<i>Dịch thơ:</i> Chú bé chăn bọ ngựa -----	193
Văn Lưu Nguyệt Tri bắc hành, khuyết vì diện biệt, phụng kí nhị thư -----	194
<i>Dịch thơ:</i> Nghe tin Lưu Nguyệt Tri ra Bắc, không thần đến tiễn được, kính gửi hai bài	195
Thương Sơn công hữu sở quý vật kiêm trí hảo thi, bộc phương nhiều vu thất tử chi thích, cảm thế giao khẩn tình hiện hổ tử	196
<i>Dịch thơ:</i> Ông Thương Sơn tặng quà, có kèm một bài thơ hay, ta đang bối rối vì con chết, thương cảm dồn dập, tình hiện ra lời -----	197
Bệnh trung, hữu hữu nhân chiêu ẩm tịch thượng tác -----	198
<i>Dịch thơ:</i> Đang ốm, có người bạn mời uống rượu làm ngay trên tiệc -----	199
Thù hữu nhân úy vấn -----	200
<i>Dịch thơ:</i> Trả lời người bạn hỏi thăm -----	201
Phục giản Phương đình -----	202
<i>Dịch thơ:</i> Lại đưa thơ cho Phương Đình -----	203
Di Xuân dĩ bốn liên vi thu phong sở tối hữu thi kiến kí, nhân thứ kì vận, ca dĩ họa chi -----	204
<i>Dịch thơ:</i> Ông Di Xuân, vì có chậu sen bị gió thu	

làm xo xác, có thơ gửi cho, ta theo vẫn làm bài ca họa lại -----	205
Dữ Quảng Nam học chính Bùi Đồng Túc dạ khởi kiến nguyệt -----	206
Dịch thơ: Nằm cùng với ông đốc học Quảng Nam họ Bùi đang đêm trở dậy thấy trăng ---	207
Tiến Nguyễn Trúc Khê ra nhận chức tại phủ Thường Tín, đồng thời gửi cho ông bạn già là Lê Hi Vĩnh -----	208
Khuê oán -----	211
Người vác hòm -----	212
Quan chẩn -----	214
Dịch thơ: Quan phát chẩn -----	215
Cái tử -----	216
Dịch thơ: Người ăn xin -----	217

THI CA VIỆT NAM CHỌN LỌC

Thơ CAO BÁ QUÁT

KIỀU VẦN (*Tuyển chọn*)

Chịu trách nhiệm xuất bản :

ĐẶNG TẤN HƯỚNG

Biên tập : **HẢI HƯƠNG**

Sửa bản in : **HẢI HƯƠNG**

Bìa : **VĂN NGUYỄN**

Thực hiện liên doanh:

Nhà sách 49 Hồ Xuân Hương -

Quận 3 - TP.HCM

Điện thoại : 08.9306381 - Fax : 08.9306381

In 500 cuốn, khổ 10 x 18 cm tại Xí nghiệp in số 5. Số đăng ký KHXB: 79/1859/XB-QLXB Cục Xuất bản cấp ngày: 21-12-2004. Giấy trích ngang số: 123/GTNXB do NXBTH Đồng Nai cấp ngày 12-4-2005. In xong và nộp lưu chiểu quý 3-2005.

<http://tieulun.hopto.org>